**Bài 1: TỔNG QUAN VỀ INTERNET**

**1.1 Khái niệm về Internet**

Là một kho chứa thông tin khổng lồ, mang lại nhiều dịch vụ đến mức thừa thãi, Internet đã cách mạng hoá đời sống của con người đến một quy mô rộng lớn.

Bước vào thế giới kỹ thuật số và sử dụng tiềm năng vô tận đã được dâng tặng là một ích lợi lớn lao cho tất cả chúng ta

Sống trong một xã hội thông tin, một trong những nhu cầu cấp bách của chúng ta là có thể gửi một lượng lớn thông tin đi xa.

Ví dụ: Một bác sĩ ở Singapore có thể liên hệ với một người bạn là bác sĩ đang làm việc ở bất cứ một nơi nào khác trên thế giới trong vòng 2 giây đồng hồ để chia sẻ thông tin hoặc tìm những lời khuyên. Chúng ta cũng có thể làm chứng cho sự ra đời của một đứa trẻ hoặc một ca phẫu thuật sống phức tạp ngay trên màn hình Internet.

Sự phát triển không ngừng của khoa học kỹ thuật đang chiếm lấy lĩnh vực mạng Internet. Sự trao đổi thông tin đã được thực hiện một cách siêu tốc. Việc sử dụng điện tín và những hình thức dịch vụ tương tự đã trở thành lỗi thời và hấu như đa đi vào quá khứ.

Vấn đề cơ bản mà những ngày đầu tiên người sử dụng tiếp xúc với mạng là câu hỏi: Sự tiện dụng của mạng là gì?.Người sử dụng chưa hiểu được những thuật ngữ của máy tính đã gây nên những lỗi sai gia tăng theo luật số mũ. Khi đã quen thuộc với thuật ngữ máy tính thì việc học máy tính trở nên đơn giản hơn.

Bạn muốn đi đâu? Bạn muốn thấy gì? Bạn muốn nó ra sao?...Đó là những câu hỏi xuất hiện khi xài internet. Cuốn sách này sẽ cố gắng chỉ ra phần lớn những câu hỏi thường gặp về internet.

**1.2 Sử dụng Internet**

**- Xác định rõ mục tiêu**

Bạn cần phải xác định rõ mục tiêu vào mạng để giảm chi phí cho thời gian và tiền bạc khi ″lang thang″ trong biển Web. Chẳng hạn, trước khi tìm một thông tin nào đó, cần phải biết chính xác về nguồn gốc, một số đặc điểm về nội dung...của thông tin đó.

**- Sử dụng hiệu quả các công cụ tìm kiếm**

Với mỗi mục đích tìm kiếm, bạn nên lựa chọn cho mình một công cụ tìm kiếm (hay còn gọi là máy tìm kiếm − Search Engine) phù hợp nhất trong số rất nhiều công cụ tìm kiếm hiện thời.

Nếu bạn tìm kiếm một thứ rất cụ thể − một công ty, một sản phẩm, một người− thì nên dùng Go2Net ([www.go2net.com](http://www.go2net.com/)) (kết quả tìm kiếm sẽ rộng hơn nhiều so với dùng Yahoo).   
Để tìm tất cả các Website có liên kết với một Website cụ thể nào đó, ví dụ media.vdc.com.vn, bạn nên dùng Alta Vista ([www.av.com](http://www.av.com/)) (gõ vào dòng link: media.vdc.com.vn trong hộp chứa từ tìm kiếm).

Để tìm kiếm thông tin cập nhật thường xuyên, hãy dùng Google ([www.google.com](http://www.google.com/)). Với kết quả tìm kiếm có độ thích hợp cao nhất, đây thực sự là một công cụ tìm kiếm rất hữu ích cho bạn.

Ngoài ra còn có các công cụ tìm kiếm riêng cho các thông tin Tiếng Việt khác như Vinaseek ([www.vinaseek.com](http://www.vinaseek.com/)) hay PanVietnam ([www.panvietnam.com](http://www.panvietnam.com/)).

Một công cụ tìm kiếm âm thanh rất hữu ích cho phép tìm kiếm các file âm thanh dựa trên mô tả của nó là Findsounds (Findsounds.com); nó cho phép tìm kiếm theo các danh mục, bao gồm: tiếng động vật, chim muông, các thiết bị, sâu bọ, các vụ nổ, chuông… và các chủ đề từ các bộ phim hoặc các show truyền hình.

Từ khoá là thông tin đầu vào của các công cụ tìm kiếm, nó cần được lựa chọn thông minh để đưa ra kết quả tốt nhất. Cần phải lựa chọn từ khoá phù hợp nhất, mang tính đặc thù cao nhất đối với thông tin bạn cần tìm.

Các công cụ tìm kiếm đều có cú pháp riêng, bạn có thể tự tìm hiểu thêm trong phần trợ giúp của các công cụ. Tuy nhiên có những quy tắc chung mà bạn cần biết. Chẳng hạn, nếu cho một nhóm từ vào trong ngoặc kép thì các công cụ tìm kiếm sẽ giới hạn kết quả trả về chỉ bao gồm những trang Web chứa cả nhóm từ theo thứ tự gõ vào. Bạn có thể cộng thêm một số từ khác nhằm tăng tính xác định của thông tin cần tìm bằng cách thêm dấu ′+′ vào trước mỗi nhóm từ. Cũng như vậy, có thể sử dụng dấu ′-′ để đảm bảo kết quả tìm kiếm không bao gồm các trang Web có chứa một từ nào đó. Ví dụ về một từ khoá tìm kiếm: ″digital image″ + morphing − ″digital warping″.

Trong đa số các trường hợp, việc sử dụng chữ hoa sẽ yêu cầu các công cụ tìm kiếm có phân biệt chữ hoa và chữ thường. Chẳng hạn, nếu bạn gõ vào ″Digital Image″, thì kết quả tìm kiếm chỉ bao gồm các trang chứa ″Digital Image″ mà không bao gồm các trang chứa ″digital image″ hay ″DIGITAL IMAGE″.

Một điều cần lưu ý nữa là phần lớn các trang Web trên mạng là ngôn ngữ Anh Mỹ, có nhiều ngoại lệ về ngữ pháp và từ vựng. Bạn cần lưu ý điều này khi tìm kiếm với các cụm từ như ″favorite humor sites″ (cần phải tìm cả với ″favourite humor sites″ hay ″favorite humour sites″ để có kết quả như mong muốn).

Khi chưa tìm được thông tin bạn cần, hãy thử với các từ khoá khác. Nâng cao kỹ năng sử dụng công cụ tìm kiếm là cách đơn giản nhất để phát huy hiệu quả trong thời gian ở trên mạng.  
**- Tiết kiệm**

Bạn nên ngắt mạng ngay sau khi đã download xong một trang (trừ trường hợp đã biết chính xác nguồn thông tin mình cần nằm trên một nhóm trang nào đó). Do việc đọc và hiểu hết một trang cũng tốn khá nhiều thời gian, nên tốt nhất là hãy hiểu hết nội dung của trang đó, xác định nội dung thông tin cần tìm được liên kết ở đâu rồi mới bắt đầu tìm tiếp.   
Khi có nhiều trang Web cần xem (trong danh sách tìm thấy của một công cụ tìm kiếm chẳng hạn) thì cách tốt nhất là mở đồng thời 2-3 trang cùng một lúc để tiết kiệm thời gian (bấm chuột phải vào liên kết và chọn ″Open in new windows″). Trong thời gian chờ một trang Web tải về chậm thì bạn có thể xem các trang khác. Nếu đã chờ lâu mà trang Web vẫn chưa tải về được thì tốt nhất là bạn không nên chờ thêm nữa, hãy ấn nút Stop và phần lớn nội dung của trang sẽ hiển thị ngay lập tức. Trong trường hợp này, nếu nội dung trang chưa được hiển thị, ấn Reload để duyệt lại từ đầu còn nhanh hơn là bạn cứ tiếp tục chờ.  
Đọc ngoại tuyến (offline) là một cách giúp bạn tiết kiệm cước phí thông qua việc dùng các công cụ để tải về một cách tự động các trang Web mà về sau bạn có thể đọc ngoại tuyến. Ngoài trình duyệt Internet Explorer, bạn có thể dùng các công cụ khác tốt hơn cho mục đích này. Một trong số các công cụ đó là Offline Explorer ([www.metaproducts.com](http://www.metaproducts.com/)) và WebVCR ([www.netresultscorp.com](http://www.netresultscorp.com/)). Ngoài ra còn một số công cụ download rất mạnh như Download Accelerator Plus ([www.lidan.com](http://www.lidan.com/)) và Gozilla ([www.gozilla.com](http://www.gozilla.com/)). Muốn tìm hiểu thêm, bạn có thể thăm một số thư viện Internet như WebAttack ([www.webattack.com](http://www.webattack.com/)) hay SoftSeek ([www.softseek.com](http://www.softseek.com/)).

**- Sử dụng khả năng ghi nhớ tạm thời của trình duyệt**

Khi đã xác định được nội dung thông tin, bạn cứ việc download hết các trang liên quan xuống mà không cần phải đọc ngay lập tức. Các trang Web sẽ được lưu trữ tạm thời trên đĩa cứng trong thư mục WindowsTemporary Internet Files. Sau khi ngắt mạng bạn có thể dùng nút Back để quay lại và thao tác với các trang này. Bạn có thể tăng dung lượng đĩa dành cho việc lưu các file tạm thời.

**- Ghi nhớ những địa chỉ quan trọng vào thư mục Favorites.**

Chức năng này giúp bạn không cần phải ghi nhớ nhiều điạ chỉ phức tạp. Những địa chỉ đó được lưu trên đĩa dưới dạng file văn bản thông thường trong thư mục WindowsFavorites.   
**- Tắt chức năng hiển thị hình ảnh của trình duyệt**

Những trang Web có kèm theo những hình ảnh minh hoạ sẽ làm giảm đáng kể tốc độ. Nếu không có nhu cầu liên quan tới chúng, bạn có thể bỏ đi bằng cách lựa chọn Show Picture trong ToolInternetOptionAdvanced. Ngoài ra, bạn cũng có thể lựa chọn tương tự cho các chương trình Multimedia như : nhạc, hoạt hình, video...

**- Có kỹ năng quản lý hộp thư điện tử**

Khi sử dụng hộp thư điện tử như yahoo, hotmail, gotmail.. hoặc các hộp thư tiếng Việt khác, chúng ta thường sử dụng các thiết lập mặc định mà không điều chỉnh lại để khai thác chúng một cách hiệu quả. Để điều chỉnh lại các chức năng này, bạn phải tìm hiểu thông qua phần trợ giúp của từng hộp thư.

Trong bài viết này, tôi trình bày phương pháp điều chỉnh một vài chức năng của hộp thư Yahoo. Trong hộp thư của mình, bạn chọn Mail Options, khi đó các chức năng sẽ được liệt kê ra.

Chặn những địa chỉ email không mong muốn: Nếu bạn thường nhận được những lá thư vô bổ từ một địa chỉ nào đó (đặc biệt là thư quảng cáo), bạn dùng chức năng Block Ađresses: chọn BlockAđresses, gõ những địa chỉ email mà bạn muốn chặn vào hộp AđBlock, rồi nhấn vào nút AđBlock (bằng cách này bạn có thể chặn được 100 email).  
Bạn có thể chỉnh lại số lượng thư hiện trên một trang bằng cách chọn một số phù hợp trong hộp Messages per Page.

Trả lời thư tự động: Chức năng này cho phép bạn tự động trả lời thư cho một vài người nào đó. Bạn chọn Vacation Response, chọn ngày bắt đầu và ngày cuối cùng có hiệu lực của chức năng; gõ nội dung cần thông báo vào hộp Generic Response, gõ những tên đuôi hộp thư mà bạn muốn tự động trả lời (ví dụ: hotmail.com, yahoo.com,.. ) vào hai hộp dưới dòng: Send this message when I receive mail from the following domains. Cuối cùng bạn chọn Save Changes. Khi đó, trong khoảng thời gian có hiệu lực mà bạn vừa thiết lập, nếu có ai gửi thư cho bạn thì nội dung cần thông báo sẽ ngay lập tức được Yahoo tự động gửi cho họ giúp bạn.

Bạn có thể chọn chức năng Signature và gõ vào chữ ký của mình (chữ ký của bạn có thể là một câu tuỳ ý mà bạn thích). Khi đó, nội dung chữ ký của bạn sẽ được gắn kèm vào cuối mỗi bức thư bạn gửi đi.

Bạn cũng có thể làm hiện đầy đủ mọi thông tin về người gửi bằng cách đánh dấu chọn vào dòng: Show all headers on incoming message.

Bạn có thể tự tìm hiểu thêm nhiều chức năng khác của Yahoo để sử dụng hộp thư của mình được hiệu quả hơn. Nếu bạn không sử dụng hộp thư Yahoo thì bạn cũng có thể chỉnh lại các chức năng của hộp thư của mình theo cách tương tự.

Hy vọng rằng qua một số phương pháp kể trên, bạn có thể khai thác Internet hiệu quả hơn cũng như tiết kiệm phần nào quỹ thời gian và tiền bạc của mình.

**1.1.3 Tìm hiểu về Internet**

**Internet là gì ?.**

Nói một cách đơn giản, Internet hay thường gọi là Net là một mạng lưới của những mạng lưới vi tính (Network). Một Net work là một nhóm máy tính nối kết nhau. Vậy Internet trở thành một mạng của các mạng. Những cách mô tả khác về Internet là:

- Mạng của mạng dựa trên cơ sở TCP/IP (Transmission control protocol/ Internet protocol : Giao thức Kiểm soát chuyển giao thông tin / nghi thức mạng liên kết).

- Một cộng đồng người sử dụng và phát triển hệ thống đó.

- Một tập hợp những nguồn thông tin mà có thể tiếp cận từ những hệ thống đó.

Người chịu trách nhiệm trước đây của Internet toàn cầu là Hệ thống nghiên cứu dự án cao cấp của bộ phận bảo vệ của chính phủ Hoa Kỳ ( gọi tắt là : ARPANET – Advanced research project agency network)

Đây là một dự án liên kết tất cả các máy tính từ các tổ chức nghiên cứu cho đến các bộ phận nghiên cứu của chính phủ đã được bảo vệ tại thời gian đó. Hệ thống đã được thành lập bởi sự kết nối những máy tính thông qua hệ thống dây cáp và đường line điện thoại. Bất cứ nguời nào trên hệ thống cũng có thể tiếp cận và đi vào xem thông tin từ bất cứ một máy tính nào trên hệ thống này hay hệ thống khác.

Để tạo nên một cuộc sống dễ dàng hơn, để viện nghiên cứu hướng đến một tiêu chuẩn mà máy tính có thể truyền đạt và làm việc trong một sự đồng nhất. Đó gọi là TCP và IP (Tức là hình thức chuyển giao và liên kết mạng).

Lưu ý: Một hệ thống máy tính là phải có từ hai máy tính trở lên, được kết nối với một máy khác bởi đường dây cáp dẫn và đường line điện thoại để truyền đạt thông tin. Trong một hệ thống máy tính, bạn có thể đi vào xem nguồn dữ liệu, xem tập tin, in ấn và các phần cứng của máy tính giống như chức năng của một máy tính thông thường.

**Tổng quan về Internet và lịch sử hình thành**.

ARPANET thành công tuyệt vời với nghề nối liên kết mạng khoa học kỹ thuật và viện hàn lâm Hoa Kỳ – chính nó đã tạo nên mạng lưới Internet ngày nay. Nền tảng khoa học quốc gia (NSF) đã tạo nên hàng loạt các hệ thống mạng lưới phục vụ cho mục đích giáo dục và nghiên cứu ở năm 1985 - chính vì thế mà nó được gọi là hệ thống mạng lưới nền tảng quốc gia (NSFNET) và nó đã tạo nên một dịch vụ nòng cốt quốc gia dựa trên cơ sở nghi thức ARPANET, cung cấp dịch vụ miễn phí cho tất cả các tổ chức giáo dục và nghiên cứu.

Bên cạnh nó là những hệ thống vùng đã được tạo nên để liên kết những tổ chức, cá nhân với dịch vụ nòng cốt quốc gia.

Theo ước tính công nghiệp thì hầu hết 90% thế giới kết nối với mạng Internet. Cũng như công ty dữ liệu quốc tế (IDC) đã ước tính là số lượng người sử dụng Internet ở vùng Châu Á – Thái Bình Dương đã đạt đến mức 240 triệu người trong vòng 4 năm gần đây , con số này đã vượt trội và cao hơn ở Mỹ.

**Ai là người làm chủ Internet?**

Bạn hãy nhìn vào Internet bạn thấy nó giống như một câu lạc bộ. Nó có hội đồng – ủy ban của nó, Uỷ Ban là nơi mà các thành viên đều có ý kiến là làm việc ra sao. Vì thế tổ chức Internet không có giám đốc hay tổng điều hành. Tuy nhiêu ở một vài hệ thống cấu thành nên dịch vụ Internet cũng có giám đốc hay tổng điều hành họat động, nhưng ở đó có sự phát hành, cung cấp dịch vụ khác biệt với mạng, nó không đơn giản là một nhà sáng lập ra Internet bán sỉ mà nó bán dịch vụ với giá cao hơn – đó là giá bán lẻ.   
Tổ chức Internet (Internet society- gọi tắt là ISOC) có trách nhiệm hoàn toàn về Internet và ở đó là trụ sở chính của Internet. Ý tưởng cơ bản của tổ chức này là khuyến khích sự trao đổi thông tin toàn cầu thông qua Internet. Tổ chức Internet là một ủy ban với những thành viên tự nguyện – chính những thành viên này là người quyết định hứơng tiến lên phía trước của Internet và cũng chính họ là người quản lý kỹ thuật và quy định các chức năng thích hợp của Internet. Ủy ban này được gọi là ban kỹ sư – kỹ thuật Internet (The internet architecture board- IAB). Uûy ban có tổ chức các cuộc họp về nguyên tắc, quy định để tiêu chuẩn hoá và phân chia các nguồn dữ liệu như là : những địa chỉ của những trang Web hoặc vị trí của nguồn. Internet làm việc rất đơn giản bởi vì những máy vi tính ở trên thế giới có thể trò chuyện qua lại trong một số đường lối chuẩn. IAB có nhiệm vụ quản lý các đường lối tiêu chuẩn này. IAB ra quyết định khi thấy tiêu chuẩn là cấp thiết và quyết định ban tiêu chuẩn nên làm gì?.

Khi một tiêu chuẩn được yêu cầu, nó được coi như là một sự cố xảy ra, sự cố đó được IAB dựa theo tiêu chuẩn và thông báo nó thông qua hệ thống mạng. IAB cũng dữ hàng loạt các các con số đa dạng và phải lưu giữ những con số đó một cách đặc biệt. Ví dụ như mỗi máy vi tính trên mạng có trữ lượng 32- bit địa chỉ đặc biệt mà không có một máy tính nào có thể có.

Tiêu chuẩn đó cũng có chút giống như tấm hộ chiếu của bạn hoặc cũng giống như bất cứ một tổ chức bảo vệ số liệu nào, mà tiêu chuẩn đó sẽ là duy nhất. IAB làm việc hướng đến sự giải quyết liên quan đến nhiều vấn đề khác nhau.

Hầu hết mọi thứ trên mạng đều trở thành kỹ thuật, kỹ xảo - chọn và ấn nút ( point-and-click).

Để có thể lưu trữ và xem thông tin thực tế của thế giới và độc lập với những hệ thống hoạt động và phần cứng – là một ngôn ngữ tiêu chuẩn được gọi là Hypertext Markup Language (HTML) đã phát triển, những thông tin đã được chia ra để lưu trữ trong những trang HTML trên trang Web của những nhà cung cấp dịch vụ xuyên thế giới.

Chương trình đơn giản được gọi là chương trình đọc lướt qua (Browser) được để lại để làm sáng tỏ những trang HTML này. Trang Web toàn cầu (World Wide Web- WWW) bao gồm những trang HTML – mà được lưu giữ trong trang Web của những nhà cung cấp dịch vụ và chương trình đọc lướt qua của bất kỳ một máy tính nào được nối mạng cũng có thể đọc được những trang này.

Những trang này có cho ta thông tin về tất cả mọi thứ trên thế giới này không ?, thì nhà cung cấp dịch vụ Internet ( Internet Service Provider – gọi tắt là : ISP) là người đóng vai trò chủ chốt để trả lời câu hỏi trên là có. những máy tính ở tại ISP thì có những thông tin về những nhà cung cấp dịch vụ Internet khác được kết nối trên thế giới. Những ISP lập nên những trung tâm kết nối những hệ thống mạng đa dạng khác nhau. Và họ là những người dẫn thông tin để công bố trên trang Web toàn cầu trên máy tính thông qua hệ thống mạng của chúng ta. Để vào Internet, bạn cần phải thực hiện kết nối với hệ thống mạng của nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP). Những nhà ISP sẽ cung cấp những dịch vụ để liên kết nhiều máy tình đơn hay phức đến hệ thống mạng của họ và đến Internet, họ chịu trách nhiệm với bạn – với phần liên kết của bạn với Internet và kể cả với những dịch vụ đã cung cấp cho bạn ( chúng ta sẽ thảo luận về những dịch vụ này một cách chi tiết hơn trong chương kế tiếp – Advancing toward the Internet – Sự tiến triển hướng về Internet).

**Tại sao cần thiết phải có Internet?**

Một nguyên nhân quan trọng đó là những người sử dụng ở mức trung bình sẽ tìm ra một con số thông tin khổng lồ ngoài sự tưởng tượng thông qua Internet thậm chí tăng dần lên ngay cả như lúc bạn đang nghiên cứu nó ở đây. Khác xa với hàng rào chắn thông tin truyền thông, Internet liên kết những người đang sống cách xa hàng trăm Kilomet lại với nhau để họ học hỏi kinh nghiệm, tăng thêm nguồn kiến thức – đây là một nguyên lý cơ bản và nền tảng của Internet. Đây là quan niệm giản đơn và bạn có thể sẽ làm chủ Internet ngay bây giờ-notime.

**Internet có thể làm gì cho bạn?**

Như là một bác sĩ, bạn có thể tìm một hệ thống đa dịch vụ : như là báo chí y khoa, tin tức và cập nhật trên công nghệ kỹ thuật y khoa mới nhất. Những thảo luận nghiên cứu y khoa, những phương án về thuốc, về sự trị liệu và những lĩnh vực khác.

Ví dụ : Bạn đang ở Việt Nam, bạn có thể xem một quá trình diễn ra một ca phẫu thuật phức tạp tại Mỹ, hoặc là gia đình bạn đang ở nước ngoài thì bạn cũng có thể cùng gia đình của mình để tham dự một cuộc hội nghị y khoa.

Không chỉ có thế, thậm chí bạn có thể thảo luận, đề nghị để được cung cấp những tài liệu về y khoa có liên quan và các công cụ hỗ trợ cho công việc của một bác sĩ. Bạn có thể tìm những thông tin hết ý về những liều thuốc hiện đại nhất, cũng như sự cấu thành của chúng, về mặt công cụ, hiệu quả hay những chi tiết khác. Hay là thông tin về thử nghiệm lâm sàng và sự phát triển mang tầm vóc quốc tế trong khu vực đặc biệt của bạn.

Những chuyên gia trong lĩnh vực khác nhau của thuốc thường là những thành viên trong cộng đồng y khoa. Họ san sẻ kiến thức và kinh nghiệm của họ với nhau và với những người khác, bởi vậy việc đó cũng giúp người khác học và nghiên cứu cùng nhau trên phạm vi toàn thế giới, không còn giới hạn trong từng quốc gia riêng lẻ.

Thư điện tử hay còn gọi là Email có thể giúp chúng ta gửi đi những lời nhắn . Người nhận dù ở bất kỳ đâu trên thế giới này đều có thể nhận thư trong vòng 2 giây đồng hồ, vậy nên email là một cách truyền đạt thông tin một cách nhanh chóng, gọn nhẹ và dễ dàng. Bạn cũng có thể nói chuyện với một người khác trên mạng bằng cách sử dụng phần mềm truyền tin hoặc chương trình đọc lướt trên mạng tìm thông tin tổng thể.

Một sinh viên ngành y khoa có thể tìm những lời ghi chú và công cụ trợ lý học tập trong lớp hoặc trong sách vở. Một người giảng viên cũng có thể sử dụng nó để làm tăng thêm nguồn kiến thức cho mình và học hỏi những kinh nghiệm thông qua những trang Web.

Tất cả những điều đó đã thúc đẩy việc nghiên cứu và học internet, vậy muốn học Internet trước hết bạn phải có một cái máy vi tính, sự kết nối với mạng và một chương trình phần mềm đọc lướt kết hợp với sự đam mê và kiên nhẫn.

Đây là những điều nền tảng và gốc rễ, bạn có thể liên kết nó với niềm đam mê của bạn để làm giàu cho nguồn kiến thức của mình, chia sẻ kinh nghiệm, cộng tác và truyền đạt với những người khác.

**Ai là người trả cước phí Internet?**

Không có bất cứ một người nào phải trả cước phí Internet. Những nhà cung cấp trên thế giới ISP đã tự họ liên kết với nhau và với qũy liên liên kết. Bạn chỉ phải trả phí liên kết mạng cho nhà cung cấp của bạn. Họ sẵn sàng liên kết bạn với hệ thống mạng.

Sự thanh toán chỉ đơn thuần là cho phép bạn tham gia vào hệ thống mạng và sử dụng nguồn. Bạn không phải lo lắng gì cả về việc chúng làm việc với nhau như thế nào ? những nhà cung cấp ISP đã có trách nhiệm trông nom chuyện đó. Tất cả những việc mà bạn có thể làm là liên kết máy tính của bạn với hệ thống mạng của nhà cung cấp.

**1.1.4 Cách sử dụng các dịch vụ của Internet**

Có một vài nguồn mà Internet cung cấp như sau:

***1.4.1.1. Email***

Bạn có thể gửi hoặc nhận email từ bất cứ một nơi nào với điều kiện là người nhận và người gửi phải có một địa chỉ Email. Bạn chỉ ra lệnh nhận mail đã được lưu trữ trong mạng phục vụ, thế là thư đã nằm trong máy tính của bạn.

Sự không ràng buộc của vịêc sử dụng và tốc độ chuyển giao thông tin đã tạo nên nhiều thiệt hại đã xảy ra trên mạng Internet. Điều có thể tưởng tượng được là email tiếp tục là một trong những hoạt động phổ biến nhất trên mạng.

\*\*\*Lưu ý : Hộp thư là một diện tích được chứa trong bộ nhớ hoặc trong bộ phận lưu trữ có email. nên bất cứ như thế nào người nhận cũng nhận được email, hệ thống email tự động lưu trữ thư trong hộp mail (mailbox).

***1.4.1.2. Trang Web toàn cầu (world wide web – www)***

Trang web toàn cầu được biết đến một cách phổ biến bằng thuật ngữ WWW hoặc là Web, Web được bao gồm bởi một loạt sự tập hợp của những trang dữ liệu HTLM được chứa trong tất cả các máy tính trên thế giới. Ngoài ra các chuyên gia máy tính còn gọi là HTTP, HTTP thì được liên kết với mọi hệ thống thông tin trên thế giới – internet.

Trong suốt quá trình nghiên cứu, bạn định hướng cho chương trình đọc lướt trên máy vi tính của bạn tìm đến những website – nơi mà có những dữ liệu thích hợp lưu trữ và sau đó tìm lại được những thông tin yêu cầu được hiển thị trên mà hình máy tính của bạn.

***1.4.1.3. Newsgroups (Tin tức nhóm)***

Newgroups của Internet cho phép người sử dụng san sẻ ý tưởng và truyền đạt thông tin với những người đồng ý nghĩ,Newsgroups cũng gọi là nhóm Usenet. Có đến hàng ngàn Newsgroups và hàng triệu người sử dụng trên bất cứ một chủ đề nào có thể tưởng tượng được. Đây là một cách dễ dàng để biết những nguyên tắc tiếp cận với nhóm người mà bạn chia sẻ thông tin và ý tưởng của mình.

***1.4.1.4. Mailing list (danh sách thư)***

Mailing list là một danh sách thư của một nhóm với số lượng lớn những người tham gia – những người mà chia sẻ những ý tưởng cùng quan điểm. khi bạn gửi một thư đến mailing list, thì nó tự động gửi cho tất cả mọi người trong danh sách thư đã có sẵn và sự trả lời thư cũng diễn ra tương tự như vậy. Hai điểm khác biệt giữa mailing list và newsgroups là

- Trong mailing list, thì thư được gửi một cách trực tiếp vào trong hộp thư của bạn, vì thế mà nó có thể bị đầy lên một cách nhanh chóng nhưng ở newsgroups thì không như thế.

- Newsgroups thì bất cứ một người nào trong nhóm cũng có thể mở newsgroups, trong khi mailing list là của riêng từng cá nhân và nó chỉ được mở hoặc đóng bởi chính cá nhân đó.

Mailing list tượng trưng cho một cách hết sức đơn giản để tìm thông tin thích hợp và cập nhật các chủ đề thú vị mà bạn quan tâm.

***1.4.1.5. Irc ( Inetrnet Relay Chat)***

Chat giúp cho con người truyền đạt thông tin thông qua internet bằng cách gõ mẩu tin từ bàn phím máy vi tính. Để làm được điều này bạn phải kết nối với mạng phục vụ IRC. Một lần kết nối bạn có thể tham gia chat với hàng trăm chủ đề khác nhau hoặc thậm chí tạo chủ đề riêng cho chính bạn.

***1.4.1.6. Ftp (File Transfer Protocol – Nghi Thức Chuyển Giao Tập Tin)***

FTP là một hệ thống chính yếu để cuyển tải file giữa các máy vi tính vào Internet. File được chuyển tải có dung lượng rất lớn. FTP hầu hết được sử dụng cho việc chuyển tải những dữ liệu mang tính cá nhân.

***1.4.1.7. Telnet (Telephone Internet)***

Telnet ý ám chỉ chương trình của máy tính nối liên kết chương trình nguồn với một máy tính khác ở xa. Trong trường hợp này bạn cần phải có tên người sử dụng (username) và mật mã (password) cũng như tên của máy đó, bạn cũng phải cần biết mở hệ thống máy sử dụng - hệ thống tổng quát ở đây là UNIX.

Để có chương trình TelNet trên máy của bạn, bạn phải vào trang khu vực phần mềm của thông tin dữ liệu nguồn tại một site đặc biệt.

***1.4.1.8. Wais (wide area information service – dịch vụ tìm kiếm thông tin diện rộng).***

WAIS được xuất bản với bộ sưu tập dữ liệu to lớn. Khi bạn kết nối với mạng phục vụ WAIS, thì bạn phải chạy một truy vấn ( tức là đặt câu hỏi ) thì bạn sẽ nhận được hàng loạt danh sách các kết quả liên quan đến dữ liệu tại site đó. Bạn chỉ cần click vào một kết quả thì nguồn dữ liệu thông tin mở ra và hiển thị trên màn hình máy vi tính của bạn.

***1.4.1.9. Gopher***

Dịch vụ này có khả năng phục hồi được thông tin từ mạng Internet. Gopher là phương tiện hữu dụng, hữu dụng như là công cụ đọc lướt qua bởi vì nó cho phép bạn truy tìm những nguồn thông tin dữ liệu số , loại thông tin xuất hiện như danh sách các số liệu. Phương tiện giúp bạn chọn lựa các mục thích hợp theo ý bạn ở thanh menu một cách dễ dàng.

***1.4.1.10. Archie, finger, and whois.***

Những Gopher này thì được giữ lại để lưu hành vì khả năng của những công cụ này giúp cho thu thập được một lượng thông tin to lớn khổng lồ. những người sử dụng archie thì cần thiết có những công cụ hữu dụng cho file dò tìm trên FTP. Còn Finger và Whois thì thiết kế để giúp bạn tìm những người sử dụng khác trên mạng.

***1.4.1.11. Bbs (Bulletin Board System)***

Đây là trung tâm tin nhắn điện tử, nó cho phép bạn quay số điện thoại trong máy vi tính bởi một máy Modem, đồng thời nó hiển thị tin nội dung tin nhắn bên góc trái của màn hình bởi các công cụ khác và nếu bạn muốn thì nó sẽ gửi tin nhắn của bạn đi. Nó là nơi lý tưởng nhất để cho bạn tìm thông tin một cách hoàn toàn miễn phí hoặc là lắp đặt một phần mềm không mắc tiền lắm. BBS cho phép người sử dụng đọc và viết tin nhắn một cách đa dạng và phong phú cho cuộc hội thảo, cho sự chuyển tải file về và bật chơi Game.

**Bài 2: CÁCH NỐI MẠNG INTERNET - ĐỊA CHỈ INTERNET**

**2.1. Cách nối mạng Internet**.

- Có 2 cách:

Cách 1: mạng qua Modem Dial-up

1. Tạo một Connection dial.

2. Kết nối thông qua các dịch vụ của vnn, fpt, netnam...

3. Sharing Internet Connection.

Cách 2 ADSL

Tất cả các máy con đều có default Getway là IP của ADSL.

**Cách để máy tính có thể thông nhau**, bạn cần phải cấu hình cùng dãy IP, cùng Submask Net, cấu hình tĩnh hoặc động...

Nếu dùng Modem ADSL bạn có thể cấu hình DHCP trên ADSL và việc cấp phát bạn giao quyền cho ADSL thực hiện cấp phát IP này.

**Cách bấm dây mạng**:

Chuẩn 1: A: Trắng Xanh Lá Cây, Xanh Lá Cây, Trắng Cam, Xanh Dương, Trắng Xanh Dương, Cam, Trắng Nâu, Nâu

Chuẩn 2: B: Trắng Cam, Cam, Trắng Xanh Lá Cây, Xanh Dương, Trắng Xanh Dương, Xanh Lá Cây, Trắng Nâu, Nâu

Đây là chuẩn tối ưu về tốc độ khi bấm dây mạng.

- Nếu nối giữa Switch-Switch bạn 1 đầu bấm A, 1 đầu bấm B (bấm chéo)  
- Nếu nối giữa Switch và Hub bạn 1 đầu bấm A, 1 đầu bấm B (bấm chéo)  
- Nếu nối giữa Switch(Hub) - Computer bạn 1 đầu bấm A, 1 đầu bấm A (Bấm thẳng) hoặc (1 đầu bấm B 1 đầu bấm B (Bấm thẳng))

- Nếu nối giữa 2 PC với nhau thì bấm chéo ( 1 bấm A, 1 bấm B)

**2.2 Yêu cầu về thiết bị để sử dụng dịch vụ Internet**

**2.2.1.  Giới thiệu về dịch vụ**

|  |  |
| --- | --- |
| Công nghệ ADSL (Asymmetric Digital Subscriber Line) - đường thuê bao số bất đối xứng là công nghệ băng rộng mới (broadband) cho phép truy nhập Internet tốc độ cao và mạng thông tin số liệu bằng cách sử dụng đường dây điện thoại sẵn có. |  |

ADSL gồm hai kênh thông tin đồng thời là kênh thoại và kênh truy nhập Internet (do tần số của băng thoại và tần số của băng truyền số liệu là khác nhau). Bạn có thể vừa nói chuyện điện thoại, vừa vào Internet trên cùng một đường dây điện thoại. Bạn cũng không cần phải quay số modem mỗi khi kết nối mạng, liên tục giữ kết nối và đặc biệt không phải trả cước điện thoại nội hạt.

**Đặc điểm:**

Bạn sẽ không phải ngồi đợi hàng giờ đồng hồ để tải về các tập tin, thư điện tử có kích thước lớn hay xem các trang Web trên mạng Internet. Mọi thứ sẽ trở nên nhanh chóng và dễ dàng hơn so với hình thức kết nối Internet truyền thống qua đường dây điện thoại:

-   Kết nối liên tục;

-   Không cước điện thoại;

-   Không tín hiệu bận;

-   Tốc độ vượt trội;

-   Quản lý cước rõ ràng;

-   Tổng đài hỗ trợ 24/24h.

**Ưu điểm:**

-   Truy nhập Internet tốc độ cao mà không cần quay số, không phải thao tác vào/ra mạng, không bị tín hiệu báo bận và có thể xem phim trên Internet, ...

-   Có thể nhận và gọi điện thoại/Fax khi đang truy nhập Internet.

-   ADSL hứahẹn mở ra một thế giới thông tin hỗ trợ người dùng một cách tức thời:

-   Truy nhập Internet tốc độ cao cho gia đình cũng như doanh nghiệp.

-   Hội nghị truyền hình với chất lượng âm thanh hình ảnh hoàn hảo đáp ứng nhu cầu đàm phán và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp…

-   Video theo yêu cầu (Video on Demand), hỗ trợ người dùng download và sử dụng các tệp âm thanh, hình ảnh theo thời gian thực.

-   Kết nối mạng LAN/WAN.

-   Điện thoại qua ADSL (VoDSL).

**Điều kiện sử dụng:**

Để sử dụng dịch vụ ADSL của Viettel, cần có những thiết bị sau:

-   Modem ADSL

-   Máy tính PC có gắn card mạng Ethernet.

-   Microfilter (bộ lọc tín hiệu): thiết bị để ghép/ tách tín hiệu thoại và dữ liệu trên cùng một đường dây điện thoại;

**2.2.2 Gói cước dịch vụ**

Hiện nay Viettel đang cung cấp 05 gói giá dịch vụ ADSL dành cho tất cả các đối tượng khách hàng, cụ thể như sau:

**Các gói dành cho gia đình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | | **GÓI DỊCH VỤ CÁ NHÂN, GIA ĐÌNH** | |
| **Nội dung** | **Chi tiết** | **HomeN+** | **Home E+** |
| Tốc độ tối đa | | 3072/512 Kbps | 4096/512 Kbps |
| Tiện ích cơ bản | | Có thể sử dụng các ứng dụng cơ bản: tin tức, gửi nhận mail, chat, gọi điện thọai quốc tế Internet, nghe nhạc trực tuyến… | Sử dụng những ứng dụng cơ bản (như gói Home N+) với chất lượng đảm bảo, ngoài ra có thể sử dụng hầu hết các ứng dụng khác trên mạng |
| Phương án Lưu lượng | Phí lưu lượng sử dụng (tính trên 1MB gửi & nhận) | 08h – 17h: 95đ | 6 GB đầu : 42đ |
| 17h – 23h: 38đ | > 6 GB: 40đ |
| 23h-08h:10đ |
| Phí sử dụng tối đa (VNĐ) | 300.000 | 450.000 |
| Phí thuê bao tháng (VNĐ) | 50.000 | 100.000 |
| Tặng cước hàng tháng vào cước phát sinh | 40.000 | 90.000 |
| Phương án Trọn gói | Phí sử dụng dịch vụ trọn gói (VNĐ) | 230.000 | 300.000 |
| Tư vấn chọn gói cước (mức sử dụng/tháng) | 100.000 – 200.000 | x |  |
| 200.000 – 300.000 |  | x |

**Các gói dành cho Doanh nghiệp và Đại lý công cộng:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | | **GÓI DỊCH VỤ CHO DOANH NGHIỆP** | | **GÓI DỊCH VỤ CHO**  **ĐẠI LÝ** |
| **Nội dung** | **Chi tiết** | **Office C** | **Net C** | **Net +** |
| Tốc độ tối đa | | 4608/640 Kbps | 5120/640 Kbps | 5120/640 Kbps |
| Tiện ích cơ bản | | Sử dụng những ứng dụng cơ bản với chất lượng đảm bảo, có thể sử dụng hầu hết các ứng dụng khác trên mạng, khả năng kết nối từ 5-10 máy. | Sử dụng tốt các ứng dụng cao cấp trên mạng: xem film, game online, music, tải file dữ liệu lớn, video conference, kết nối 10-20 máy tính | Sử dụng tốt các ứng dụng trên mạng: game, music, film, chat, webcam…khả năng kết nối trên 20-30 máy |
| Phương án Lưu lượng | Phí lưu lượng sử dụng (tính trên 1MB gửi & nhận) | 6 Gbytes đầu: 50đ | 6 Gbytes đầu: 52đ | 40đ |
| 8 Gbytes tiếp: 40đ | 8 Gbytes tiếp: 40đ |
| Trên 14Gbytes: 25đ | Trên 14Gbytes: 25đ |
| Phí sử dụng tối đa (VNĐ) | 700.000 | 880.000 | 1.000.000 |
| Phí thuê bao tháng (VNĐ) | 80.000 | 160.000 | 200.000 |
| Phương án Trọn gói | Phí sử dụng dịch vụ trọn gói (VNĐ) | 550.000 | 700.000 | 700.000 |
| Tư vấn chọn gói cước (mức sử dụng/tháng) | 300.000 – 400.000 | x |  |  |
| 400.000 – 500.000 |  | x |  |
| Trên 500.000 |  |  | x |

***Ghi chú:***

-   Các mức giá trên chưa bao gồm VAT 10%

Quý khách có nhu cầu sử dụng vui lòng liên hệ tại Hồ Chí Minh: (08).62.800.800

**2.2.3. Thủ tục đăng ký thay đổi**

Để làm thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ, khách hàng phải có các thiết bị tương ứng miêu tả trong mục “Điều kiện sử dụng dịch vụ” và các giấy tờ sau:

***(Lưu ý****: Thời hạn công chứng các giấy tờ không quá 06 tháng kể từ ngày công chứng. Nếu KH xuất trình bản gốc để giao dịch viên kiểm tra thì bản sao không cần công chứng)*.

**Đối với cá nhân Việt Nam (Quốc tịch Việt Nam), sinh sống tại Việt Nam**

Bản sao CMND hợp lệ hoặc các giấy tờ xác nhận nhân thân khác như CMT quân đội, công an.

**Đối với cá nhân người nước ngoài đang cư trú và sinh sống tại Việt Nam**

-   Bản sao Hộ chiếu

-   Bản sao Giấy phép lưu trú tại Việt Nam hoặc giấy bảo lãnh của một tổ chức hoặc cơ quan có tư cách pháp nhân tại Việt Nam (nếu không có giấy bảo lãnh thì phải đặt cọc 2.000.000 VND. Khoản đặt cọc này sẽ được hoàn trả ngay sau khi khách hàng chấm dứt hợp đồng và hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cước phí).

**Đối với Doanh nghiệp, Tổ chức hoặc Văn phòng đại diện**

Chữ ký của người có thẩm quyền và con dấu hợp pháp.

Bản sao Giấy phép đăng ký kinh doanh; hoặc Bản sao giấy phép hoạt động (nếu doanh nghiệp chỉ có con dấu vuông)

Bản sao Hợp đồng thuê văn phòng (nếu có).

**Quí khách hàng Đại lý Internet công cộng**

-   Bản sao Giấy phép đăng ký kinh doanh dịch vụ Internet công cộng

-   Chứng minh thư nhân dân của người làm đại diện (bản photo có công chứng)

-   Hợp đồng thuê văn phòng hoặc giấy chứng nhận sử hữu nhà nơi đặt đại lý (bản sao có công chứng)

-   Chứng chỉ tin học tối thiểu trình độ A (bản sao có công chứng) của chủ đại lý hoặc nhân viên do chủ đại lý thuê.

**Quí khách hàng Đại lý uỷ quyền Viettel**

-   Giấy giới thiệu của Viettel Mobile hoặc hợp đồng đại lý với Viettel Mobile còn hiệu lực

-   Bản sao Giấy phép đăng ký kinh doanh; hoặc Bản sao giấy phép hoạt động (nếu doanh nghiệp chỉ có con dấu vuông)

-   Bản sao Hợp đồng thuê văn phòng (nếu có)

**Thủ tục biến động dịch vụ và thay đổi thông tin trên Hợp đồng.**

*(Bao gồm: Tạm ngừng, Khôi phục, Chuyển nhượng Hợp đồng, Sang tên, Chuyển đổi địa điểm sử dụng và các yêu cầu về biến động dịch vụ khác…)*

Khách hàng yêu cầu thay đổi thông tin trên hợp đồng phải là chính chủ; đã thanh toán hết các khoản nợ cước (tính đến thời điểm đề nghị thay đổi) và mang theo giấy tờ sau đến các điểm giao dịch của Viettel:

-   Bản gốc Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông

-   Giấy tờ chứng minh tư cách cá nhân, pháp nhân.

-   Nếu đi làm thay cho chủ hợp đồng thì ngoài các giấy tờ trên phải kèm theo Giấy Ủy quyền của chủ hợp đồng có xác nhận của cơ quan, chính quyền địa phương.

**2.2.4. Thiết bị hỗ trợ**

Để sử dụng dịch vụ ADSL của Viettel, cần có những thiết bị sau:

-   Modem ADSL

-   Máy tính PC có gắn card mạng Ethernet.

-   Microfilter (bộ lọc tín hiệu): thiết bị để ghép/ tách tín hiệu thoại và dữ liệu trên cùng một đường dây điện thoại;

**2.2.5. Hình thức thanh tóan**

Khách hàng thanh toán cước tại địa chỉ sau:

-   Thanh toán cước tại địa chỉ khách hàng đăng ký.

-   Thanh toán tại hệ thống các cửa hàng của Vietttel trên toàn quốc.

-   Thanh toán qua tài khoản ngân hàng.

**2.3** Các bước cài đặt bộ kết nối vào mạng Internet bằng ADSL

|  |
| --- |
| Cấu hình và cài đặt ADSL |
|  |
| **Giới thiệu chung:** |
| Các modem ADSL hiện đang sử dụng cho việc kết nối Internet có rất nhiều chủng loại (Modem ADSL PCI, USB, Extenal, Router) do nhiều hãng (SIEMENS, ACALTEL, 3COM, LG, SMATRLINK…) sản xuất, nhưng tất cả Modem nay đều tuân theo các tiêu chuẩn kết nối ADSL. Phần hướng dẫn cài đặt này được chia ra làm 3 phần sau: |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifCài đặt cho Modem ADSL PCI, USB. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifCài đặt cho Modem ADSL ngoài. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifCài đặt cho Modem ADSL Router. |
|  |
| **Thiết lập đấu nối thiết bị với máy tính và đướng dây ADSL.** |
| Cắm dây cáp vào cổng USB Modem và máy tính, đường dây ADSL (RJ11) vào cổng ADSL, cắm nguồn Modem và bật nguồn. |
|  |
|  |
|  |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c.gif |
| Lưu ý : Trường hợp áp dụng riêng cho việc sử dụng đường dây ADSL riêng biệt (không sử dụng điện thoại). Nếu có sử dụng tín hiệu ADSL chung với đường dây thoại thì phải cắm vào 1 thiết bị tách tín hiệu là “Splitter” và từ thiết bị đó cắm vào cổng ADSL của Modem ADSL. Hiện nay các Modem đời mới đều có tích hợp phần “Splitter” vào Modem giống như các Modem 56k bình thường. |
|  |
| **Yêu cầu cấu hình máy tính:** |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifWindows 98SE, ME, NT/2000 Professional và XP. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gif64 MbRAM cho Windows 98SE, ME. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gif128 MbRAM cho Windows XP/2K Professional/NT |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifBộ vi xử lý 233 MHz hoặc cao hơn. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifỔ cứng phải trống ít nhất 100MB. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifCó ổ CD. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifCó khe cắm PCI hoặc cổng USB. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifCó Card mạng (Ethernet 10/100 base T sử dụng cho Modem ngoài hoặc Router) |
|  |
| **Trạng thái Modem** |
| |  |  | | --- | --- | | **LED** | **Mô tả** | | Off | Chưa cắm nguồn hoặc chưa cắm cổng USB | | Đèn vàng | Vừa bật nguồn lên | | Đèn nhấp nháy trạng thái Vàng / Xanh | Kiểm tra nguồn và tín hiệu đường ADSL | | Nhấy nháy đèn xanh | Nhận được tín hiệu adsl và chuyển sang đồng bộ. | | Đèn xanh | Đã đồng bộ xong | | Đèn đỏ | Không nhận được thiết bị cắm vào | |
|  |
| **Mô hình mạng ADSL** |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c1.gif |
|  |
| **CÀI ĐẶT CHO MODEM  ADSL PCI, USB** |
|  |
| **1. Giới thiệu:** |
| Modem trên Card PCI: loại này tích hợp tất cả trên một Card PCI. Giá thành rẻ nhất trong ba loại, nhưng rất khó cài đặt, kén chọn hệ điều hành. Modem USB: đây là loại Modem lắp ngoài kết nối qua giao tiếp USB1.1. Giá chỉ hơn loại trước một chút và trông có vẻ dễ lắp đặt. Nhưng thực ra loại này cũng kén hệ điều hành không kém loại kia, cài đặt tương đối khó, lại dùng nhiều tài nguyên hệ thống. |
|  |
|  |
| **2. Cài đặt phần mềm cho modem:** |
| **Win XP, 2K Professional, ME and Windows 98SE** |
| **2.1.** Cắm modem vào khe PCI hoặc cổng USB. |
| **2.2.** Bật máy tính lên. |
| **2.3.** Cho đĩa cài đặt phần mềm modem vào ổ CD ROM. |
| **2.4.** Chương trình sẽ tự động chọn phần cài đặt cho từng hệ điều hành. Kích chuột vào Accept để tiếp tục cài đặt hoặc chọn Decline nếu không muốn cài tiếp. |
| **Lưu ý:** Nếu đĩa CD cài đặt không chạy được chế độ tự động thì cần phải vào ổ CD ROM và kích vào File Setup.exe để cài đặt từ CD. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c2.gif |
|  |
| Chương trình cài đặt sẽ kiểm tra xem thiết bị đã được cắm vào chưa và có bị tranh chấp mức ngắt điều khiển với các thiết bị khác đã được cài đặt sẵn trong máy tính hay không. Nếu bị tranh chấp mức ngắt thì cần phải xoá phần điều khiển cho thiết bị đó hoặc thay đổi lại mức ngắt. Nói chung máy tính đủ thông minh để lựa chọn mức ngắt cho phù hợp với từng thiết bị.Trong trường hợp không bị tranh chấp thì chương trình yêu cầu cài tiếp. Kích vào mục Next. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c3.gif |
|  |
| Chương trình sau khi nhận biết được thiết bị đang sử dụng, nếu là Modem USB thì kích vào NO để không lựa chọn cài đặt (nếu Modem PCI thì chọn YES để tiếp tục cài đặt). |
| **2.5.** Chương trình sẽ hiện tiếp phần cài đặt cho Modem USB, kích Next để cài đặt. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c4.gif |
|  |
| **2.6.** Chương trình sẽ Copy các Files vào hệ thống máy tính, kích Next. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c5.gif |
|  |
| **2.7.** Sau khi cài đặt xong phần mềm điều kiển cho thiết bị Modem, chương trình yêu cầu cần phải kiểm tra lại các thiết bị đấu nối, đường dây ADSL. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c6.gif |
|  |
| **2.8.** Phần cài đặt riêng cho Windows 98SE chương trình yêu cầu phải khởi động lại máy tính. Kích vào Reboot. Sau khi khởi động lại chuyển tiếp bước tiếp theo (Tạo kết nối). |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c7.gif |
|  |
| **2.9.** Đối với Windows 2000/XP, sau khi cài đặt xong thì yêu cầu kích Finished. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c8.gif |
|  |
| **2.10.** Chương trình sẽ tự động nhận: VPI=0, VCI=35, PPPoE. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c9.gif |
|  |
| **2.11.** Một kết nối SpeedStream ADSL sẽ được khởi tạo trên màn hình (Desktop) của Windows, lúc này chỉ cần kích đúp vào biểu tượng đó nhập Username và Password để kết nối vào Internet. |
|  |
| **3. Khai báo kết nối (Connection)** |
| **3.1 Windows XP** |
| Bước tiếp theo sau khi đã khởi tạo được kết nối (Connection): |
| **1.** Kích đúp vào biểu tượng SpeedStream ADSL trên Desktop. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c10.gif |
| **2.** Nhập UserID và Password của tài khoản ADSL mà Nhà cung cấp dịch vụ đã cung cấp. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c11.gif |
|  |
| **3.** Kích vào Dial để kết nối. |
| **3.2 Windows 2000 Professional** |
| Bước tiếp theo sau khi đã khởi tạo được kết nối (Connection): |
| **1.** Kích đúp vào biểu tượng SpeedStream ADSL trên Desktop. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c10.gif |
| **2.** Nhập UserID và Password của tài khoản ADSL mà Nhà cung cấp dịch vụ đã cung cấp. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c12.gif |
|  |
| **3.** Kích vào Dial để kết nối. |
| **3.3 Windows 98SE, Millennium** |
| Bước tiếp theo sau khi đã khởi tạo được kết nối (Connection): |
| **1.** Kích đúp vào biểu tượng SpeedStream ADSL trên Desktop. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c10.gif |
| **2.** Nhập UserID và Password của tài khoản ADSL mà Nhà cung cấp dịch vụ đã cung cấp. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c13.gif |
| **3.** Kích vào Connect để kết nối. |
|  |
| **4. Kiểm tra phần cài đặt thiết bị có tốt không** |
| **4.1 Windows XP** |
| Kiểm tra bằng cách sau đây: |
| Kích chuột phải vào biểu tượng My Computer -->Properties -->Hardware -> Device Manager ->Network Adapter. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c14.gif |
| Kiểm tra phần ATM and SpeedStream ADSL trong mục Network Connection. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c15.gif |
|  |
| **4.2 Windows 2000 Professional** |
| Kiểm tra bằng cách sau đây: |
| Kích chuột phải vào biểu tượng My Computer -->Properties -->Hardware -> Device Manager-->Network Adapter. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c16.gif |
| Kiểm tra phần ATM and SpeedStream ADSL trong mục Network Connections. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c17.gif |
|  |
| **4.3 Windows Millennium** |
| Kiểm tra bằng cách sau đây: |
| Kích chuột phải vào biểu tượng My Computer -->Properties -->Hardware -> Device Manager --> Network Adaptors |
| **4.4 Windows 98 Second Edition** |
| Kiểm tra bằng cách sau đây: |
| Kích chuột phải vào biểu tượng My Computer -->Properties -->Hardware -> Device Manager --> Network Adaptors Lưu ý: Không được xoá Microsoft PPP over ATM Adaptor trong dòng dưới (chéo đỏ) nếu không phần kết nối (Internet Connection) sẽ không thiết lập được chức năng kết nối của ATM khi bị xoá đi. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c18.gif |
|  |
| **5. Trạng thái kết nối của các thiết bị Modem ADSL** |
| **Win XP, 2K Professional, ME and Win 98SE Status** |
| Có một số Modem PCI, USB sau khi cài đặt xong phần mềm cho Modem và khởi tạo được kết nối (Connection) thì sẽ nhìn thấy trạng thái của thiết bị xuất hiện dưới thanh Taskbar. Ví dụ : Hiện thị trạng thái của 4060 USB ADSL Modem trên thanh Taskbar |
| Sau khi cài đặt xong phần mềm cho Modem thì sẽ nhìn thấy trạng thái của Modem. Trạng thái này cho biết Modem đã nhận biết được tín hiệu của ADSL (Away Online), tức là đường dây ADSL đã được thiết lập tới đầu dây thuê bao. |
| **Dưới đây là trang thái nhận biết đường của modem ADSL “Connecting" và "No peer detected":** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Biểu tượng** | **Trạng thái** | **Mô tả tình trạng** | | http://ptic.com.vn/adsl/images/c19.gif | Transmitting/ receiving data | "Gửi/nhận dữ liệu" tất cả các dữ liệu gửi nhận thành công trên đường dây ADSL. | | http://ptic.com.vn/adsl/images/c19.1.gif | Downloading firmware | The "Downloading firmware" kiểm tra phần kết nối giữa máy tính với thiết bị (modem). | | http://ptic.com.vn/adsl/images/c19.2.gif | Connecting | Trạng thái đường ADSL khi bật modem lên hoặc rút đương dây (RJ11) ra modem rồi cắm vào cổng ADSL của modem. | | http://ptic.com.vn/adsl/images/c19.3.gif | Connected | Modem đã đồng bộ được với đường dây ADSL Đây không phải là trạng thái kết nối vào Internet của modem mà là trạng thái của đường dây ADSL. | | http://ptic.com.vn/adsl/images/c19.4.gif | No hardware detected | "Không nhận được modem" (1) không có thiết bị (modem) cắm vào (2) Dây cáp USB đấu tới modem bị lỗi, hoặc (3) phần mềm modem bị lỗi | | http://ptic.com.vn/adsl/images/c19.5.gif | No peer detected | Không thiết lập được đường kết nối với nhà cung cấp dịch vụ (ISP), lúc này phải chờ đợi vài giây để modem thiết lập được kết nối và trạng thái sẽ từ Connecting sang Connected. | |
|  |
| **Màn hình kết nối và trạng thái đường ADSL** |
| **Chọn General Tab** |
| Kích đúp vào biểu tượng ở phía dưới thanh Taskbar (hoặc kích phải chuột vào biểu tượng và chọn Status) sẽ xuất hiện trạng thái đường DSL. Trạng thái có 2 mục: General and Diagnostics. Trong General tab (hình 1) mô tả những thông tin kết nối chung: |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c20.gif |
|  |
| **Đường tín hiệu sẽ hiện thị thay đổi trạng thái của đường như sau:** |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifConnected - Modem đã đồng bộ được với đường dây ADSL. Đây không phải là trạng thái kết nối vào Internet của Modem mà là trạng thái của đường dây ADSL. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifNo Hardware Found - Máy tính không nhận được Modem. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifNo Peer Detected - Không thiết lập được đường kết nối với nhà cung cấp dịch vụ (ISP), lúc này phải chờ đợi vài giây để Modem thiết lập được kết nối và trạng thái sẽ từ Connecting sang Connected. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/arrow_green_2.gifConnecting - Trạng thái đường ADSL khi bật Modem lên hoặc rút đương dây (RJ11) ra Modem rồi cắm vào cổng ADSL của Modem. |
| **Diagnostics Tab** |
| Mục Diagnostics Tab (Figure 2) hiện thị kết quả kiểm tra giữa Modem với phần mềm điều khiển và đường ADSL. Kết quả kiểm tra này tốt chứng tỏ là đã cài đặt thành công, tín hiệu đường truyền ADSL tốt. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c21.gif |
| **Mục Local and Remote Tests** |
| Sau khi mở Status Application, chọn mục Diagnostics Tab.  Local Tests kiểm tra Modem, phần mềm Modem và các chức năng của ADSL. Remote Tests kiểm tra phần Network and mức Internet của nhà cung cấp (ISP). |
| **Autoconfiguration** |
| Để ngầm định hoặc thay đổi phần cấu hình của ISP như : VCI/VPI, giao thức PPP. |
|  |
|  |
|  |
| **CẤU HÌNH CÀI ĐẶT CHO MODEM NGOÀI** |
|  |
| Đối với Modem ngoài thường giao tiếp với máy tính thông qua cổng Ethernet 10/100b T và việc khó khăn nhất là phải cấu hình lại Modem cho phù hợp với các thông số của ISP. Trong trường các thông số của các ISP đều ngầm định theo chuẩn chung là: VPI=0, VCI=32 hoặc VPI=0, VCI=35 và đều sử dụng giao thức PPPoE thì không cần thiết phải thay đổi lại cấu hình của Modem. Nhưng ngược lại các ISP lại đặt tiêu chuẩn đó theo một cách khác thì yêu cầu phải thay đổi lại các thông số trên. Để cấu hình lại Modem chúng ta phải lắp đặt thiết bị cho đúng theo sơ đồ hướng dẫn: |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c22.gif |
| |  |  | | --- | --- | | **STT** | **Mô tả** | | **1** | Đường dây ra máy điện thoại (nếu có sử dụng thoại yêu cầu có Micro Filter-Bộ lọc) (RJ11) | | **2** | Đường dây vào của tín hiệu ADSL (RJ11) | | **3** | Cổng cắm dây mạng (RJ45) | | **4** | Cổng cắm dây cấu hình (Serial hoặc Console) vào COM1 hoặc COM2, Ethernet Card của PC. | | **5** | Ổ cắm nguồn | | **6** | Nút bật/tắt | |
|  |
| **Lưu ý :** Một số Modem chỉ có 2 cổng chính là: Cổng DSL và cổng cắm dây mạng (đồng thời chính là cổng cấu hình). Việc cấu hình cho loại Modem này thông qua giao diện Web Browser. Còn các loại Modem khác cấu hình qua chương trình Hyper Terminal của Windows. Sau khi lắp đặt thiết bị và cắm dây cấu hình vào cổng COM1 hoặc COM2 chúng ta tiến hành làm các bước như sau (Đây là ví dụ cho Modem ADSL Dreamlink của LG, còn các Modem khác bạn nên xem qua phần hướng dẫn của tài liệu và đĩa CD-ROM đi kèm trước khi làm): |
| **1.** Kích vào Start - Programs - Accessories - Communications - Hyper Terminal. |
|  |
| **2.** Đặt tên Connection và kích OK. |
| **3.** Chọn COM và kích OK. |
| **4.** Đặt giá trị: |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/button.gifBits per second 9600 http://ptic.com.vn/adsl/images/button.gifData bits 8  http://ptic.com.vn/adsl/images/button.gifParity None http://ptic.com.vn/adsl/images/button.gifStop bits 1 http://ptic.com.vn/adsl/images/button.gifFlow control None http://ptic.com.vn/adsl/images/button.gif(Hoặc chọn là Default) |
|  |
| **5.** Kich OK. |
| **6.** Sau khi mở được màn hình Hyper Terminal bạn phải ấn phím [Enter] và nhập User, mật khẩu nếu có để xuất hiện Menu hoặc Command. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c23.gif |
|  |
| Để xem thông tin của modem (như PPP, VPI, VCI) ta ấn số 11. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c24.gif |
|  |
| Để thay đổi các thông số (như PPPoE, PPPoA, VPI, VCI) ta ấn số 21. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c25.gif |
|  |
| Để xem trạng thái liên kết giữa Modem và ISP ta ấn số 52. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c26.gif |
| Nếu muốn trở về các thông số ngầm định ban đầu của Modem bạn ấn số 22 (Có một số Modem bạn chỉ cần chọn phần Reset hoặc Set Default thì sẽ được trả về giá trị ban đầu) rồi ấn phím Y(Yes). |
| Khi đã thay đổi các thông số bạn cần khởi động (Reboot) lại Modem để các giá trị mới được thực thi. **Lưu ý :** Đối với các loại Modem cấu hình qua Web Browser, bạn cần tham khảo phần cấu hình cho ADSL Modem Router. Sau khi đã cấu hình xong Modem, bước tiếp theo chúng ta cài đặt phần mềm tạo kết nối ADSL (Connection). Có rất nhiều chương trình hỗ trợ phần kết nối ADSL như: ENTERNET 500, CFOS V5.04, WINPOET 4.0, NetVoyager1.52, RASPPPOE\_098 hoặc trong các đĩa CD-ROM kèm theo Modem có hỗ trợ chương tình cài đặt kết nối ADSL, các bạn có thể tham khảo trước khi lựa chọn phần mềm kết nối. Đa phần các chương trình này đều hỗ trợ cho giao thức PPPoE. Dưới đây chúng tôi xin được hướng dẫn cách để cài đặt phần mềm kết nối ADSL trong các chương trình trên đó là phần mềm CFOS. |
| Chạy File http://ptic.com.vn/adsl/images/c27.gifhoặc http://ptic.com.vn/adsl/images/c28.gifcho từng hệ điều hành |
|  |
| Xuất hiện màn hình Cfos và chọn Install. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c29.gif |
|  |
| Đánh dấu mục Agree. Kích Next. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c30.gif |
|  |
| Đánh dấu mục DSL và kích Next. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c31.gif |
|  |
| Để ngầm định COM Port, kích Next. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c32.gif |
|  |
| Bỏ hết đánh dấu các phần mở rộng khác, kích Next. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c33.gif |
|  |
| Kích Next để tiếp tục cài đặt. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c34.gif |
|  |
| Copy các Files vào hệ thống Windows. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c35.gif |
|  |
| Sau khi Copy File xong, yêu cầu đánh dấu mục tạo kết nối (Setup DSL Dial-up Connection). |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c36.gif |
|  |
| Đặt tên kết nối, nhập tên và mật khẩu của ISP cung cấp (Ví dụ : ADSL, Username : adsl01, Password: abc123). Tiếp tục kích vào OK để chấp nhận kết nối này. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c37.gif |
|  |
| Chương trình thông báo đã khởi tạo xong kết nối. Kích OK. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c38.gif |
| Biểu tượng kết nối sẽ được khởi tạo trong mục Dialup Network Connections và trên màn hình Windows (Desktop). Lúc này bạn có thể kết nối vào Internet. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c39.gif |
| **Lưu ý :** Riêng với Windows XP có hỗ trợ phần kết nối của ADSL nhưng bạn phải khởi tạo bằng cách chọn: |
| **1.** Start - Control Panel - Network and Dialup Connections - Create a new connection. |
| **2.** Chọn Connect to the Internet - Next |
| **3.** Chọn Setup my connection manually - Next |
| **4.** Chọn Connect using a broadband connection that requires a user and password - Next |
| **5.** Đánh tên ISP (Chính là tên kết nối, ví dụ : ADSLVNN) - Next |
| **6.** Nhập tên và mật khẩu kết nối (Không nhất thiết phải nhập vào). Bỏ đánh dấu mục 1 và 3.-->Next |
| **7.** Đánh dấu hoạc không mục Add a shortcut to this connection to my desktop. |
| **8.** Bấm Finish để kết thúc. |
| **9.** Kích đúp vào biểu tượng kết nối, nhập Username, Password rồi kích Dial để vào mạng. |
| **Lưu ý :** Khi bạn đã kết nối được các đèn (LED) của Modem như: DSL, Ethernet đều sáng xanh. |
|  |
| **CẤU HÌNH CÀI ĐẶT CHO ADSL MODEM ROUTER** |
|  |
| **Giới thiệu:** |
| Loại ADSL Modem Router rất thích hợp cho việc chia sẻ nguồn tài nguyên Internet cho các máy tính khác trong 1 văn phòng, công ty, cửa hàng Internet, các gia đình có kết nối mạng nội bộ với nhau. Lợi ích của việc này là giá thành cho việc kết nối Internet thấp, dễ sử dụng, tốc độ cao và nhanh, không ảnh hưởng tới việc cài đặt lại máy tính. ADSL Modem Router không giao tiếp với máy tính mà được cắm thẳng vào HUB mạng LAN sau khi cấu hình xong. Việc cấu hình này yêu cầu người làm cần phải nắm rõ việc phân chia địa chỉ IP, thiết kế mạng LAN, các lệnh cấu hình bởi vì các lệnh này sử dụng qua giao diện Telnet, Hyper Terminal. Cấu hình dễ nhất của loại Modem này là thông qua giao diện Web Browser. Có một số ADSL Modem Router có thêm chức năng Bridge tức là hỗ trợ phần kết nối qua Dial-up Connection. |
|  |
| **Cấu hình và cài đặt:** |
| Chúng ta tiến hành cấu hình theo các bước như sau: |
| **- Cấu hình qua Hyper Teminal** |
| 1. Đầu tiên cần phải cắm đặt thiết bị theo đúng sơ đồ. Cắm dây cấu hình (Console) vào cổng COM của máy tính còn đầu kia cắm vào cổng SERIAL/CONSOLE. |
| 2. Kích vào Start - Programs - Accessories - Communications - Hyper Terminal. |
| 3. Đặt tên Connection và kích OK. |
| 4. Chọn COM và kích OK. |
| 5. Đặt giá trị : |
| Bits per second 38400 (Hoặc 1 giá trị khác có ghi trong tài liệu) Data bits 8  Parity None Stop bits 1 Flow control None (Hoặc chọn là Default) |
|  |
| 6. Kích OK. |
| 7. Sau khi mở được màn hình Hyper Terminal bạn phải ấn phím [Enter] và nhập User, mật khẩu nếu có để xuất hiện Menu hoặc Command->. |
| 8. Đặt địa chỉ IP cho Router. |
| Command-> show ethip  Command-> set ethip 10.10.40.100 255.255.255.0 (có thể đặt lại) Implement IP changes now? default: n [y,n] y Command-> show ip --- IP Information Interface State IP Address NetMask Ethernet dc0 Up 10.10.40.100 255.255.255.0 PPP ppp0 Up 203.162.124.251 255.255.255.0 Command-> show ethcfg --- Ethernet Configuration Ethernet Mode - Half Command-> set ethcfg full Command-> show ethcfg  --- Ethernet Configuration Ethernet Mode - Full |
|  |
| 9. Đặt tham số cho VPI/VCI. |
| Command-> set vc Type [ppp 1483r 1483b ]: ppp VPI [0-255]: 0 VCI [32-65535]: 35 Rate [1-640, max]: Max Local IP Address (optional): 203.162.124.251 Netmask: 255.255.255.0 Changing the VC type requires a reboot. |
| 10. Đặt chế độ của NAPT. |
| Command->show napt ---NAPT Information NAPT Status - enabled Command-> set napt disable |
| 11. Đặt User và Password cho PPP. |
| Command-> set ppp disconnect Command-> set ppp connect Command-> set ppp restart Command-> show pppauth --- PPP Authentication Current Default Username - joeuser speedstream Password - efficient speedstream Command-> set pppauth <username> <password> |
|  |
| 12. Đặt chế độ của DNS. |
| Command-> show dns Command-> set dns Disabled |
| 13. Đặt chế độ chặn địa chỉ IP của máy khác. |
| Command-> show ipfilter Command-> set ipfilter Disabled |
| 14. Đặt chế độ của DHCP. |
| Command-> set dhcp disable DHCP change will take place after reboot |
| 15. Command-> Reboot. |
| Are you sure? default: n [y,n] y System rebooting as requested!!!! (after logging back into the command console) |
| 16. Sau khi khởi động lại Modem bạn vào kiểm tra lại các tham số của Router: |
| Command-> show route |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **ROUTE NET TABLE** | | | | | | **destination** | **mask** | **gateway** | **flags** | **Interface** | | 0.0.0.0 | 0.0.0.0 | 192.168.1.2 | GU | cpm0 Ethernet | | 10.10.40.0 | 255.255.255.0 | 10.10.40.100 | U | lo0 Loopback | | 127.0.0.0 | 255.0.0.0 | 127.0.0.1 | U | cpm0 Ethernet | | **ROUTE HOST TABLE** | | | | | | 192.168.1.2 | 255.255.255.0 | 203.162.124.252 | HU | pppO PPP | |
|  |
| 17. Cắm lại dây mạng (RJ45) vào HUB mạng và đặt địa chỉ IP cho các máy tính rồi vào mạng (Ví dụ: máy 1 có địa chỉ IP: 10.10.40.101, IP Gateway: 10.10.40.100, DNS: 203.162.0.11, Host: ptic, Domain Name :ptic). |
| **Lưu ý :** Đối với chế độ Bridge bạn cũng vào chế độ Hyper Teminal và set Bridge đồng thời phải đặt lại các thông số của PPP, VPI/VCI như ở trên. Sau khi đã thiết lập xong chế độ của Bridge bạn cài đặt phần mềm kết nối (Connection) giống như Modem ngoài. |
|  |
| **- Cấu hình thông qua giao diện Web Browser:** |
| 1. Cắm dây mạng (RJ45) vào cổng mạng của ADSL Modem Router. |
| 2. Kích chuột phải vào biểu tượng My Network Places trên màn hình. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c40.gif |
| 3. Kích phải chuột vào biểu tượng Local Area Connection trong Network and Dial-up Connections. Chọn mục Properties. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c41.gif |
|  |
| 4. Trong Local Area Connection Properties chọn Internet Protocol (TCP/IP). Chọn Properties. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c42.gif |
|  |
| 5. Trong hộp Internet Protocol (TCP/IP) Properties. Chọn Obtain an IP address automatically and Obtain DNS server address automatically. |
| 6. Kích OK. |
| 7. Kích OK và khởi động lại máy tính. |
| 8. Mở Web Browser, đánh địa chỉ IP(Ví dụ: http://192.168.254.254/ hoặc http://10.0.0.2) vào dòng Address rồi Enter. |
| 9. Tại hộp Login bạn phải đánh: |
| User Name: **superuser** Password: **admin** |
| 10. Sau khi bạn đăng nhập thành công, chương trình yêu cầu bạn phải đặt lại mật khẩu và đăng nhập lại. |
| 11. Trang Web sau khi đăng nhập xong: |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c43.gif |
|  |
| 12. Đặt địa chỉ Ethernet IP Network trong Setup chọn Local Area Network (LAN) (Đánh địa chỉ IP theo lớp mạng nội bộ đang sử dụng, nên sử dụng 1 địa chỉ IP dễ nhớ). |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c44.gif |
|  |
| 13. Thiết lập PPPoE trong Setup chọn Wide Area Network (WAN) (hoặc là mục PPP). Nhập các giá trị của VPI/VCI (0/35). |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c45.gif |
|  |
| 14. Đặt Username và Password cho PPP (Ví dụ: Username: adsl01, Password: 123) rồi chọn Save Setting để lưu lại. |
| http://ptic.com.vn/adsl/images/c46.gif |
| 15. Đặt chế độ DHCP trong mục SETUP cho Network (Thường ngầm định là Enabled, nên đặt chế độ Disabled). |
| 16. Đặt NAPT trong mục SETUP chọn chế độ Enabled. |
| 17. Sau khi đã cấu hình xong bạn phải kích vào mục Reboot để khởi động lại modem và các tham số mà bạn khai báo được chấp nhận |
| 18. Bạn có thể kết vào Internet bằng cách kích vào mục Connect và xem tốc độ kết nối đồng thời mở thử các trang Web. |
| 19. Quay lại mục Diagnostic để kiểm tra các trạng thái hoạt động có tốt không. Nếu các mục đã kiểm tra đều hiện thị là Pass là tốt, còn nếu là False thì cần phải kiểm tra lại theo bảng thông báo lỗi. |
| 20. Cắm chuyển đường dây (RJ45) sang HUB và đặt các địa chỉ IP cho các máy khác để kết nối thông qua ADSL Modem Router. |
| **Lưu ý :** Đối với chế độ Bridge bạn cũng chọn Bridge đồng thời phải đặt lại các thông số của PPP, VPI/VCI như ở trên. Sau khi đã thiết lập xong chế độ của Bridge bạn cài đặt phần mềm kết nối (Connection) giống như Modem ngoài. Trong trường hợp các Modem không thể kết nối được bạn nên ấn vào nút Reset (ở phía sau của Modem) để các thông số đều được ngầm định về giá trị ban đầu rồi cấu hình lại. |

**2.4.** **Địa chỉ Internet**

**Giao thức IP** ([tiếng Anh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Anh): *Internet Protocol* - Giao thức Liên mạng) là một giao thức hướng dữ liệu được sử dụng bởi các [máy chủ](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A1y_ch%E1%BB%A7) nguồn và đích để truyền dữ liệu trong một [liên mạng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_m%E1%BA%A1ng) [chuyển mạch gói](http://vi.wikipedia.org/wiki/Chuy%E1%BB%83n_m%E1%BA%A1ch_g%C3%B3i).

Dữ liệu trong một liên mạng IP được gửi theo các khối được gọi là các [gói](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=G%C3%B3i_c%C6%B0%E1%BB%9Bc&action=edit&redlink=1) (*packet* hoặc *datagram*). Cụ thể, IP không cần thiết lập các đường truyền trước khi một máy chủ gửi các gói tin cho một máy khác mà trước đó nó chưa từng liên lạc với.

Giao thức IP cung cấp một dịch vụ gửi dữ liệu *không đảm bảo* (còn gọi là *cố gắng cao nhất*), nghĩa là nó hầu như không đảm bảo gì về gói dữ liệu. Gói dữ liệu có thể đến nơi mà không còn nguyên vẹn, nó có thể đến không theo thứ tự (so với các gói khác được gửi giữa hai máy nguồn và đích đó), nó có thể bị trùng lặp hoặc bị mất hoàn toàn. Nếu một [phần mềm ứng dụng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%A7n_m%E1%BB%81m_%E1%BB%A9ng_d%E1%BB%A5ng) cần được bảo đảm, nó có thể được cung cấp từ nơi khác, thường từ các giao thức giao vận nằm phía trên IP.

Các [thiết bị định tuyến](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BA%BFt_b%E1%BB%8B_%C4%91%E1%BB%8Bnh_tuy%E1%BA%BFn) liên mạng chuyển tiếp các gói tin IP qua các mạng [tầng liên kết dữ liệu](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A7ng_li%C3%AAn_k%E1%BA%BFt_d%E1%BB%AF_li%E1%BB%87u) được kết nối với nhau. Việc không có đảm bảo về gửi dữ liệu có nghĩa rằng các chuyển mạch gói có thiết kế đơn giản hơn. (Lưu ý rằng nếu mạng bỏ gói tin, làm đổi thứ tự hoặc làm hỏng nhiều gói tin, người dùng sẽ thấy hoạt động mạng trở nên kém đi. Hầu hết các thành phần của mạng đều cố gắng tránh để xảy ra tình trạng đó. Đó là lý do giao thức này còn được gọi là *cố gắng cao nhất*. Tuy nhiên, khi lỗi xảy ra không thường xuyên sẽ không có hiệu quả đủ xấu đến mức người dùng nhận thấy được.)

Giao thức IP rất thông dụng trong mạng [Internet](http://vi.wikipedia.org/wiki/Internet) công cộng ngày nay. Giao thức tầng mạng thông dụng nhất ngày nay là [IPv4](http://vi.wikipedia.org/wiki/IPv4); đây là giao thức IP phiên bản 4. [IPv6](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=IPv6&action=edit&redlink=1" \o "IPv6 (trang chưa được viết)) được đề nghị sẽ kế tiếp IPv4: Internet đang hết dần địa chỉ IPv4, do IPv4 sử dụng 32 bit để đánh địa chỉ (tạo được khoảng 4 tỷ địa chỉ); IPv6 dùng địa chỉ 128 bit, cung cấp tối đa khoảng 3.4×1038 địa chỉ (xem bài về [IPv6](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=IPv6&action=edit&redlink=1) để biết thêm chi tiết). Các phiên bản từ 0 đến 3 hoặc bị hạn chế, hoặc không được sử dụng. Phiên bản 5 được dùng làm giao thức dòng (*stream*) thử nghiệm. Còn có các phiên bản khác, nhưng chúng thường dành là các giao thức thử nghiệm và không được sử dụng rộng rãi.

Địa chỉ IP được chia thành 4 số giới hạn từ 0 - 255. Mỗi số được lưu bởi 1 byte - > IP có kích thước là 4byte, được chia thành các lớp địa chỉ. Có 3 lớp là A, B, và C. Nếu ở lớp A, ta sẽ có thể có 16 triệu địa chỉ, ở lớp B có 65536 địa chỉ. Ví dụ: Ở lớp B với 132.25,chúng ta có tất cả các địa chỉ từ 132.25.0.0 đến 132.25.255.255. Phần lớn các địa chỉ ở lớp A là sở hữu của các công ty hay của tổ chức. Một [ISP](http://vi.wikipedia.org/wiki/ISP) thường sở hữu một vài địa chỉ lớp B hoặc C. Ví dụ: Nếu địa chỉ IP của bạn là 132.25.23.24 thì bạn có thể xác định [ISP](http://vi.wikipedia.org/wiki/ISP) của bạn là ai. (có IP là 132.25.x.)

Trên Internet thì địa chỉ IP của mỗI người là duy nhất và nó sẽ đạI diện cho chính ngườI đó, địa chỉ IP được sử dụng bởi các máy tính khác nhau để nhận biết các máy tính kết nối giữa chúng. Đây là lí do tại sao bạn lại bị [IRC](http://vi.wikipedia.org/wiki/IRC) cấm, và là cách người ta tìm ra IP của bạn. Địa chỉ IP có thể dễ dàng phát hiện ra, người ta có thể lấy được qua các cách sau:

* Bạn lướt qua một trang web, IP của bạn bị ghi lại
* Trên [IRC](http://vi.wikipedia.org/wiki/IRC), bất kì ai cũng có thể có IP của bạn
* Trên [ICQ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=ICQ&action=edit&redlink=1), mọi người có thể biết IP của bạn, thậm chí bạn chọn ``do not show IP`` người ta vẫn lấy được nó
* Nếu bạn kết nối với một ai đó, họ có thế gõ ``netstat –n ``, và biết được ai đang kết nối đên họ
* Nếu ai đó gửi cho bạn một [email](http://vi.wikipedia.org/wiki/Email) với một đoạn mã [java](http://vi.wikipedia.org/wiki/Java) tóm IP, họ cũng có thể tóm được IP của bạn

**Bộ giao thức TCP/IP**, ngắn gọn là **TCP/IP** ([tiếng Anh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Anh): *Internet protocol suite* hoặc *IP suite* hoặc *TCP/IP protocol suite* - bộ giao thức liên mạng), là một bộ các [giao thức truyền thông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Giao_th%E1%BB%A9c_truy%E1%BB%81n_th%C3%B4ng) cài đặt [chồng giao thức](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%93ng_giao_th%E1%BB%A9c) mà [Internet](http://vi.wikipedia.org/wiki/Internet) và hầu hết các mạng máy tính thương mại đang chạy trên đó. Bộ giao thức này được đặt tên theo hai giao thức chính của nó là [TCP](http://vi.wikipedia.org/wiki/TCP) (*Giao thức Điều khiển Giao vận*) và [IP](http://vi.wikipedia.org/wiki/IP) (*Giao thức Liên mạng*). Chúng cũng là hai giao thức đầu tiên được định nghĩa.

Như nhiều bộ giao thức khác, bộ giao thức TCP/IP có thể được coi là một tập hợp các tầng, mỗi tầng giải quyết một tập các vấn đề có liên quan đến việc truyền dữ liệu, và cung cấp cho các [giao thức tầng cấp trên](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Giao_th%E1%BB%A9c_t%E1%BA%A7ng_c%E1%BA%A5p_tr%C3%AAn&action=edit&redlink=1) một dịch vụ được định nghĩa rõ ràng dựa trên việc sử dụng các dịch vụ của các tầng thấp hơn. Về mặt lôgic, các tầng trên gần với người dùng hơn và làm việc với dữ liệu trừu tượng hơn, chúng dựa vào các [giao thức tầng cấp dưới](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Giao_th%E1%BB%A9c_t%E1%BA%A7ng_c%E1%BA%A5p_d%C6%B0%E1%BB%9Bi&action=edit&redlink=1) để biến đổi dữ liệu thành các dạng mà cuối cùng có thể được truyền đi một cách vật lý.

[Mô hình OSI](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%B4_h%C3%ACnh_OSI) miêu tả một tập cố định gồm 7 tầng mà một số nhà sản xuất lựa chọn và nó có thể được so sánh tương đối với bộ giao thức TCP/IP. Sự so sánh này có thể gây nhầm lẫn hoặc mang lại sự hiểu biết sâu hơn về bộ giao thức TCP/IP.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Địa chỉ Internet Việt Nam** | | | |  |
|  | http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước**  - [Ðảng Cộng sản Việt Nam](http://www.cpv.org.vn/) - [Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam](http://www.na.gov.vn/) - [Thông tin về đại biểu Quốc hội khóa X](http://www.baucuquochoi.gov.vn/baucu/index.html) - [Bộ Ngoại giao](http://www.mofa.gov.vn/) - [Bộ Tài chính](http://www.mof.gov.vn/) - [Bộ Văn hoá Thông tin](http://www.cinet.vnn.vn/) - [Bộ Giáo dục Đào tạo](http://www.edu.net.vn/) - [Bộ Kế hoạch và Đầu tư](http://www.mpi.gov.vn/) - [Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường](http://www.moste.gov.vn/) - [Bộ Giao thông Vận tải](http://www.mt.gov.vn/) - [Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn](http://www.agroviet.gov.vn) - [Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn](http://www.isgmard.org.vn/) - trang tiếng Anh - [Bộ Thuỷ sản](http://www.fistenet.gov.vn/) - [Tổng cục Du lịch](http://www.vietnamtourism.com/) - [Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng](http://www.tcvn.gov.vn/) - [Tổng cục Hải quan Việt Nam](http://www.customs.gov.vn/) - [Ngành Đường sắt Việt Nam](http://www.vr.com.vn/) - [Y khoa Việt Nam](http://www.ykhoa.net) - [Đại sứ quán Việt Nam tại Mỹ](http://www.vietnamembassy-usa.org/) - [Chương trình chuyển giao tri thức thông qua kiều dân - UB về người VN tại nước ngoài](http://www.tokten-vn.org.vn/) - [Trang thông tin xuất khẩu lao động](http://www.dafel.gov.vn) - [Bưu điện Hà Nội](http://www.hnpt.vnn.vn) - [Bưu điện tỉnh Ninh Thuận](http://www.ninhthuanpt.com.vn) - [Hải quan Đồng Nai](http://www.dncustoms.gov.vn) - [VCCI Data](http://www.vccidata.com.vn) - [Hiệp hội Doanh nghiệp phần mềm Việt Nam](http://www.vinasa.org) - [Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam](http://www.vapa.org.vn/) - [Hội Sinh viên Việt Nam](http://www.vista.gov.vn/svvn/index.htm) - [Tìm mộ liệt sỹ](http://www.laodong.com.vn/tmls)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif **Các tỉnh thành**   - [Thủ đô Hà Nội](http://www.thudo.gov.vn) - [TP. Huế](http://www.hue.vnn.vn/) - [TP. Hồ Chí Minh](http://www.hochiminhcity.gov.vn/) - [Ðà Nẵng](http://www.vnn.vn/province/danang/index.html) - [Đồng Nai](http://www.dongnai.gov.vn/) - [Thanh Hóa](http://www.thanhhoa.gov.vn/) - [Phú Yên](http://www.phuyen.gov.vn/) - [Bắc Ninh](http://www.izabacninh.gov.vn/) - [Tây Ninh](http://www.cinet.vnn.vn/tay-ninh/index.htm) - [Quảng Ngãi](http://www.vnn.vn/province/quangngai/index.html)  - [Cần thơ](http://www.cantho.gov.vn)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Cơ quan, tổ chức Quốc tế tại Việt Nam**  - [Chương trình phát triển LHQ tại Việt Nam](http://www.undp.org.vn) - [Văn phòng Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam](http://www.un.org.vn/) - [Chương trình phối hợp của LHQ về HIV/AIDS tại Việt Nam](http://www.unaids.org.vn/) - [Quỹ vì trẻ em](http://www.children_fund.org.vn) - [Hội Chữ thập đỏ](http://www.vnrc.org.vn) - [Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADP)](http://www.adbvrm.org.vn) - [Ngân hàng Thế giới (WB)](http://www.worldbank.org.vn) - [Đại sứ quán Mỹ tại Việt Nam](http://www.usembassy.state.gov/) - [Đại sứ quán Australia tại Việt Nam](http://www.ausinvn.com/) - [Đại sứ quán Đan Mạch tại Việt Nam](http://www.dk-vn.dk/) - [Đại sứ quán Hà Lan tại Việt Nam](http://www.netherlands-embassy.org.vn/) - [Đại sứ quán Thụy Điển tại Việt Nam](http://www.hanoi.embassy.ud.se/) - [Đại sứ quán Nhật tại Việt Nam](http://www.jicavietnam.org.vn/) - [Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam](http://www.hanquoc-emb.net)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Trường Ðại học, Cao đẳng**  - [ÐH Bách khoa Hà Nội](http://www.hut.edu.vn) - [ÐH Bách khoa HCM](http://www.hcmut.edu.vn/) - [ÐH Khoa học - Tự nhiên HCM](http://www.hcmuns.edu.vn/) - [ÐH Khoa học - Tự nhiên Hà Nội](http://home.vnn.vn/hus/) - [ÐH Quốc gia TP.HCM](http://www.vnuhcm.edu.vn/) - [ÐH Y Hà Nội](http://www.hmu.vnn.vn/) - [ÐH Kiến trúc TP.HCM](http://www.hcmuarc.edu.vn/) - [ÐH Kinh tế TP.HCM](http://www.hcmueco.edu.vn) - [ÐH KH XH & NV TP.HCM](http://www.hcmussh.edu.vn) - [ÐH Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM](http://www.huflit.vnn.vn) - [ÐH Nông lâm TP.HCM](http://www.hcmuaf.edu.vn) - [ÐH Sư phạm HCM](http://www.hcmupeda.edu.vn) - [ÐH Sư phạm kỹ thuật TP.HCM](http://www.hcmute.edu.vn/) - [ÐH Hồng Đức](http://www.hdu.edu.vn/) - [ÐH Hàng hải](http://vimaru.vnn.vn) - [ÐH Kỹ thuật](http://www.hcmut.edu.vn) - [ÐH Cần Thơ](http://www.ctu.edu.vn) - [ÐH Đà Nẵng](http://www.dnu.edu.vn/home.jsp) - [ÐH Quản trị kinh doanh](http://www.bsneu.edu.vn/) - [ÐH DL Kỹ thuật công nghệ](http://www.hutech.edu.vn/) - [ĐH Bán Công Tôn Đức Thắng](http://www.tut.edu.vn)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Học viện**  - [Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông](http://203.162.5.44/Hoc_vien/Web_tinh/home.asp) - [Viện quản trị kinh doanh](http://www.bsneu.edu.vn)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Khối văn phòng**  - [Khối văn phòng ÐH Quốc gia TP.HCM](http://www.hcmuges.edu.vn) - [Trung tâm Từ điển học](http://www.vietlex.com.vn)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Doanh nghiệp - Tổ chức kinh tế**  - [Tổng Công ty BCVT Việt Nam](http://www.vnpt.com.vn/) - [Tổng công ty Hàng không Việt Nam](http://www.vietnamairlines.com.vn) - [Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam](http://www.baoviet.com.vn/) - [Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam](http://www.petrolimex.com.vn) - [Tổng công ty Ðịa ốc Sài Gòn](http://www.rescovn.com) - [VMS - Mobifone](http://www.mobifone.com.vn/) - [Công ty Dịch vụ Viễn thông GPC](http://www.gpc.vnn.vn/) - [Công ty Thông tin di động](http://www.mobifone.vnn.vn) - [Công ty Du lịch viễn thông Hà Nội](http://www.hanoitelecom.vnn.vn) - [Công ty Toyota Việt Nam](http://www.toyotavn.com.vn) - [Công ty RIM Technology](http://rim-tech.com/) - [Công ty du lịch Mê Kông](http://visit-mekong.com) - [Công ty Ba Tin](http://www.batin.com.vn) - [Công ty Cổ phần Thương Mại Ðiện Tử TVC](http://www.tvc.com.vn) - [Các khu công nghiệp tỉnh Phú Yên](http://www.phuyen-izs.gov.vn/) - [Trung tâm Công nghiệp Đồng Nai](http://www.dongnai-industry.gov.vn) - [Business - Vietnam Open Market](http://www.bvom.com/) - [Japan Vietnam Business Matching](http://jvbm.vietnamembassy.jp) - [TT Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ](http://www.smenetonline.com) - [Toà nhà Trung tâm Thông tin Thương mại Hàng hải Quốc tế Hà Nội](http://www.oceanparkbuilding.com)    http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Ngân hàng**    - [Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu](http://www.acbbank.com.vn) - [Ngân hàng Ðầu tư và Phát triển Việt Nam](http://www.bsc.com.vn) - [Ngân hàng Công thương Việt Nam](http://www.icb.com.vn) - [Vietcombank](http://www.vietcombank.com.vn)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Thị trường chứng khoán**  - [Market Price](http://marketprice.com.vn) - [Stock](http://www.stock.vnn.vn) market - [Trang chứng khoán](http://media.vdc.com.vn/trangchungkhoan) - [Thị trường chứng khoán](http://www.ttck.bizland.com) - [Dịch vụ chứng khoán](http://www.bsc.com.vn)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Mua & bán**  - [E-Business](http://ebusiness.vnn.vn) - [Business](http://business.vnn.vn) - [Thương mại điện tử](http://203.162.21.33/forum/wwwthreads.php?Cat=&C=1) - [Batin](http://www.batin.com.vn/) - [Mua và bán](http://203.162.21.33/forum/wwwthreads.php?Cat=&C=1) - [Rao vặt](http://www.webraovat.com/) - [Sản phẩm tin học](http://danang.vnn.vn/tmdt/) - [Cung cấp dịch vụ](http://www.harmony.com.vn/) phần mềm, phần cứng - [Việt CD](http://www.viet-cd.com/) - [Hoa - Cây cảnh Ngọc Hà](http://www.hoacaycanh-ngocha.com) - [Thuốc YHCT Vĩnh Quang](http://www.vinhquang.com.vn)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Du lịch**    - [Vietnamtourism](http://www.vietnamtourism.com/) - [Thông tin du lịch](http://www.vnn.vn/chuyenmuc/tourist/) - [Du lịch VN](http://media.vdc.com.vn/trangdulich/) - [Du lịch giải trí](http://saigon.vnn.vn/giaitri) - [Red Tour](http://vietnamholiday.com) - [Discovery](http://www.discovery-vn.com/) - [TIC](http://www.ticvietnamtours.com.vn/) - [Vietnamopentour](http://www.opentourvietnam.com) - [Daewoo](http://www.hanoi-daewoohotel.com) - [Bảo Sơn](http://www.baosonhotel.com) - [Duc Thai - Gold Dragon](http://www.viehotel.com/ducthaigolddragon/) - [Vntour](http://www.vietnamtours.com) - [Vietnamspecialist](http://www.vietnamspecialists.com/) - [VnAdventure](http://www.vietnamadventures.com/) - [Vietnamhotels](http://www.vietnamhotels.net) - [Travel to Vietnam](http://www.traveltovietnam.com) |  | http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif **Tin tức**  - [Tạp chí Cộng sản](http://www.tapchicongsan.org.vn/) - [Tạp chí Xây dựng Ðảng](http://home.vnn.vn/xd_dang) - [Thông tấn xã Việt Nam](http://www.vnagency.com.vn) - [Thông tấn xã Việt Nam - tin tiếng Anh](http://vietnamnews.vnagency.com.vn) - [Báo Nhân dân](http://www.nhandan.org.vn) - [Báo Lao động](http://www.laodong.com.vn) - [Báo Bình Định](http://www.baobinhdinh.com.vn) - [Báo Sài Gòn tiếp thị](http://www.sgtt.com.vn/) - [Báo Người Lao động](http://www.nld.com.vn) - [Báo Giáo dục thời đại](http://www.gdtd.com.vn/) - [Thời báo kinh tế](http://www.vneconomy.com.vn) - [Tuần báo Quốc tế](http://www.mofa.gov.vn:8080/tbqt/today/) - [Báo Ðầu tư](http://www.vir.com.vn) - [Báo Sài Gòn giải phóng](http://www.sggp.org.vn/) - [Báo Ðồng Nai](http://www.baodongnai.com.vn/) - [Báo Bưu điện Việt Nam](http://www.vnpost.dgpt.gov.vn/) - [VnExpress](http://www.vnexpress.net/) - [VDC Media](http://media.vdc.com.vn) - [VCCIdata](http://www.vccidata.com.vn) - [Ðài Truyền hình Việt Nam](http://www.vtv.org.vn) - [Ðài Tiếng nói Việt Nam](http://www.vov.org.vn) - [Ðài Truyền hình TP.HCM](http://www.htv.com.vn/) - [Tạp chí Quê hương](http://www.quehuong.vnn.vn) - [Vietnam Cultural window](http://www.vnn.vn/english/vncw/index.html) - [Vietnam Business Forum](http://www.vnn.vn/chuyenmuc/vb_forum/) - [Báo Sinh viên Việt Nam](http://www.svvn.com.vn/) - [Website báo chí](http://book.fpt.vn) - [Nhà xuất bản Kim Ðồng](http://www.nxbkimdong.com.vn/)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif **Nhà cung cấp dịch vụ Internet**  - [Công ty phát triển phần mềm VASC](http://www.vnn.vn) - [TT Ðiện toán và truyền số liệu KVI](http://home.vnn.vn) - [TTÐiện toán và truyền số liệu KVII](http://saigon.vnn.vn) - [TT Ðiện toán và truyền số liệu KVIII](http://danang.vnn.vn) - [Công ty FPT](http://www.fpt.vn) - [FPT Tp. HCM](http://www.hcm.fpt.vn) - [Bưu điện TPHCM](http://www.hcmpt.vnn.vn) - [Bưu điện Khánh Hoà](http://teltic.vnn.vn) - [Phương Nam Net](http://www.tlnet.com.vn) - [Sài Gòn net](http://www.saigonnet.vn) - [Vitranet](http://www.vitranet.com.vn/) - [Cinet](http://www.cinet.vnn.vn/)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Công nghệ thông tin**  - [Dịch vụ an toàn thông tin](http://infosec.vasc.com.vn/) - [Hệ thống chăm sóc khách hàng trực tuyến](http://www.vnn.vn/e-cs/vn/) - [ITPark](http://www.itpark.com.vn) - [Phần mềm kế toán](http://www.misa-group.netnam.vn/) - [Vietnam Singapore Industrial Park](http://www.sembpark.com.sg/vsip/vsip.htm) - [Thư viện điện tử](http://home.netnam.vn/elib/) - [Viện Công nghệ thông tin](http://www.ioit.ac.vn) - [IT Forum](http://www.vnn.vn/vnn1) - [VN Weblink center](http://weblinkcenter.com) - [TVassosiation](http://www.reh.vnn.vn) - [IOIT](http://www.ioit.ac.vn) - [BKAV](http://www.fpt.vn/bkav/) - [Vnisoft](http://www.vnisoft.com) - [Vacets](http://www.vacets.org) - [TT Thông tin tư liệu KH&CN](http://www.vista.gov.vn) - [Thông tin Thương mại](http://www.vitranet.vnn.vn) - [Thông tin về mức sống trung bình của gia đình Việt Nam](http://www.vnn.vn/pls/news/ext_utls.htpage(7,66678))  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Pháp luật trên internet**  - [Cơ sở dữ liệu luật Việt](http://www.vietlaw.gov.vn/) - [Pháp luật Việt Nam](http://202.167.123.172/) - [Tìm hiểu pháp luật VN](http://www.nhandan.org.vn/vietnamese/phapluat/pl.html)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Ðào tạo trên mạng & Kiến thức tin học**    [-](http://www.diendantinhoc.net) [Luyện thi đại học online](http://www.truongthi.com.vn/) - [Du học nước ngoài](http://www.vnn.vn/chuyenmuc/studyabroad/) - [CDIT](http://www.cdit.com.vn) - [Tiếng Anh](http://www.vnn.vn/vnn4) - [Sách giáo khoa - NXB Giáo dục](http://www.nxbgd.com.vn)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**E-mail miễn phí**  - [VOL](http://www.vol.vnn.vn/) - [Sài Gòn mail](http://203.162.4.154/webmail/)  http://www.ctu.edu.vn/guidance/dot_gr1.gif**Lao động - việc làm**      - [Việc làm](http://203.162.5.43/ld2000/) - [Thế giới việc làm](http://www.thegioivieclam.com/) - [Trung tâm cung ứng việc làm Q.5 - TP.HCM](http://www.vieclamquan5.com/) - [Job-online](http://www.jobsonline.saigonnet.vn/) - [Tìm việc](http://www.fpt.vn/vietnam/vieclam/) - [Job](http://vieclam.tripod.com/) | | |

Bài 3: **Dịch vụ WORLD WIDE WEB - Truy cập web site**

**3.1 .Dịch vụ WORLD WIDE WEB**

**World Wide Web**, gọi tắt là **Web** hoặc **WWW**, **mạng lưới toàn cầu** là một [không gian](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%B4ng_gian) [thông tin](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%B4ng_tin) toàn cầu mà [mọi người](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_d%C3%B9ng_internet&action=edit&redlink=1) có thể truy nhập (đọc và viết) qua các [máy tính](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A1y_t%C3%ADnh) nối với mạng [Internet](http://vi.wikipedia.org/wiki/Internet). [Thuật ngữ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thu%E1%BA%ADt_ng%E1%BB%AF" \o "Thuật ngữ) này thường được hiểu nhầm là [từ đồng nghĩa](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB_%C4%91%E1%BB%93ng_ngh%C4%A9a) với chính thuật ngữ *Internet*. Nhưng Web thực ra chỉ là một trong các [dịch vụ chạy trên Internet](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=D%E1%BB%8Bch_v%E1%BB%A5_ch%E1%BA%A1y_tr%C3%AAn_Internet&action=edit&redlink=1), chẳng hạn như dịch vụ [thư điện tử](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0_%C4%91i%E1%BB%87n_t%E1%BB%AD). Web được phát minh và đưa vào sử dụng vào khoảng năm [1990](http://vi.wikipedia.org/wiki/1990), [1991](http://vi.wikipedia.org/wiki/1991) bởi [viện sĩ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vi%E1%BB%87n_s%C4%A9&action=edit&redlink=1) [Viện Hàn lâm Anh](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vi%E1%BB%87n_H%C3%A0n_l%C3%A2m_Anh&action=edit&redlink=1) [Tim Berners-Lee](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tim_Berners-Lee) và [Robert Cailliau](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Robert_Cailliau&action=edit&redlink=1) ([Bỉ](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%89)) tại [CERN](http://vi.wikipedia.org/wiki/CERN), [Geneva](http://vi.wikipedia.org/wiki/Geneva), [Switzerland](http://vi.wikipedia.org/wiki/Switzerland).

Các tài liệu trên **World Wide Web** được lưu trữ trong một hệ thống [siêu văn bản](http://vi.wikipedia.org/wiki/Si%C3%AAu_v%C4%83n_b%E1%BA%A3n) (*hypertext*), đặt tại các máy tính trong mạng [Internet](http://vi.wikipedia.org/wiki/Internet). Người dùng phải sử dụng một [chương trình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C6%B0%C6%A1ng_tr%C3%ACnh) được gọi là [trình duyệt web](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%ACnh_duy%E1%BB%87t) (*web browser*) để xem [siêu văn bản](http://vi.wikipedia.org/wiki/Si%C3%AAu_v%C4%83n_b%E1%BA%A3n). Chương trình này sẽ nhận [thông tin](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%B4ng_tin) (*documents*) tại [ô địa chỉ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C3%94_%C4%91%E1%BB%8Ba_ch%E1%BB%89&action=edit&redlink=1) (*address*) do [người sử dụng](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_s%E1%BB%AD_d%E1%BB%A5ng&action=edit&redlink=1) yêu cầu (thông tin trong ô địa chỉ được gọi là [tên miền](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%AAn_mi%E1%BB%81n) (*domain name*)), rồi sau đó chương trình sẽ tự động gửi thông tin đến [máy chủ](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A1y_ch%E1%BB%A7) (*web server*) và hiển thị trên màn hình máy tính của người xem. Người dùng có thể theo các [liên kết siêu văn bản](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Li%C3%AAn_k%E1%BA%BFt_si%C3%AAu_v%C4%83n_b%E1%BA%A3n&action=edit&redlink=1) (*hyperlink*) trên mỗi [trang web](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trang_web) để nối với các tài liệu khác hoặc gửi thông tin phản hồi theo máy chủ trong một quá trình [tương tác](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C6%B0%C6%A1ng_t%C3%A1c). Hoạt động truy tìm theo các siêu liên kết thường được gọi là duyệt Web.

Quá trình này cho phép người dùng có thể lướt các trang web để lấy thông tin. Tuy nhiên [độ chính xác](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BB%99_ch%C3%ADnh_x%C3%A1c&action=edit&redlink=1) và [chứng thực](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BB%99_trung_th%E1%BB%B1c&action=edit&redlink=1) của thông tin không được đảm bảo.

3.2 **Truy cập web site**

**Khi truy cập Web hay Diễn đàn, chúng ta nên sử dụng trình duyệt web FireFox hoặc là Google Chrome đễ lướt tốt hơn, sau đây là hướng dẫn download và sử dụng:**

***- Sử dụng trình duyệt web FireFox***

***Bạn download FireFox:***

***Sau khi download xong các bạn thực hiện các bước cài đặt, công việc chỉ đơn giản là Next, next,... rồi finish mà thôi.***

***Giờ thì các bạn có thể sử dụng FireFox khi truy cập vào diễn đàn, rất tốt.***

*- Sử dụng trình duyệt web* ***Google Chrome***

***Bạn download Google Chrome:***

***Sau khi download xong các bạn thực hiện các bước cài đặt. Việc cài đặt cũng khá đơn giản thôi, vì hoàn toàn bằng TV.***

***Xong rồi, các bạn có thể sử dụng Google Chrome khi truy cập vào diễn đàn.***

**Bài 4: Tìm kiếm thông tin trên Internet**

**4.1 Một số khái niệm: search engine, meta-search engine**

Search Engine là gì ?

Search Engine là phần mềm cung cấp các địa chỉ Web có chứa một hay nhiều thông tin, từ khoá mà người dùng cần tìm kiếm. Thuật ngữ search engine đôi lúc được dùng không chính xác để chỉ các chỉ mục Web do các biên tập viên biên soạn.  
Web crawler còn được gọi là spider (con nhện) là một phần của search engine, chuyên “chu du” khắp Web, sao chép từng trang nó tìm được và lập chỉ mục các từ khóa, tên trang.  
Hãy thử tưởng tượng một cuộc sống hoàn toàn không có niên giám điện thoại hay một trợ giúp nào khác. Sử dụng điện thoại lúc đó sẽ trở nên rất khó khăn. Điều này cũng tương tự như dùng Web mà không có công cụ tìm kiếm (search engine). Với search engine, bạn chỉ cần biết một vài thông tin hay từ khoá là có thể tìm được nơi cần đến.  
Theo một nghiên cứu do công ty Zona Research (Mỹ) tiến hành năm 1999 thì search engine hiện là phương thức tìm kiếm thông tin trên Web được sử dụng nhiều nhất, nó chiếm tới 77% tổng thời gian tìm kiếm. Theo kết quả khảo sát người tiêu dùng của một công ty khác vào năm 1999 thì 88% người dùng trực tuyến có sử dụng một search engine và 72% có dùng một search engine để tìm kiếm hàng hoá bán lẻ.  
Đối với nhiều người dùng, search engine là yếu tố định hình nên bức tranh về kho thông tin trên Web.

Tuy nhiên, một nghiên cứu gần đây của NEC Research Institute và Inktomy cho thấy có tới hơn một tỷ trang Web riêng biệt trên Internet và hầu hết các search engine đã bỏ qua không lập chỉ mục cho 1/4 số trang này. Mặt khác, khoảng 7-14% những nội dung đã được lập chỉ mục lại không còn tồn tại trên Net.

**Bên trong việc tìm kiếm**

Với quy mô của Web, với số lượng quá lớn các trang không được truy cập đến trong nhiều năm và trang có chứa những từ quá phổ biến dẫn đến những site không liên quan, việc lập chỉ mục dù chỉ một phần của Web để có thể trả về kết quả phù hợp là một quá trình đòi hỏi rất nhiều công sức to lớn.

Tuy nhiên, về căn bản, công việc này rất đơn giản: chương trình phần mềm thông minh sẽ “chu du” khắp trên Web, tìm kiếm và lưu trữ bất cứ thông tin nào chưa có trong chỉ mục và thường là lưu toàn bộ trang Web. Thông tin thu thập được có thể từ những trang đã được lập chỉ mục trước đó nhưng đã thay đổi, liên kết đến những trang chưa được lập chỉ mục và các địa chỉ Web do các công ty thứ ba đưa lên.

Một khi các chỉ mục đã được tập hợp lại, chúng sẽ được kiểm tra để loại bỏ những thông tin trùng lắp, chẳng hạn như các phiên bản khác nhau của cùng một site (site dự phòng); loại bỏ những trang lập lại quá nhiều lần cùng từ khoá. Một số search engine còn có khả năng gán trạng thái đặc biệt cho trang Web có dùng siêu thẻ (metatag) chứa các thành phần mô tả thông tin. Một số search engine có khả năng phân tích nội dung trang Web và cho biết tần suất mà những trang khác liên kết đến trang này.

Như vậy, trang Web càng phổ biến thì nội dung của nó càng dễ tìm kiếm.  
Khi người dùng đưa yêu cầu tìm kiếm thông tin cho search engine hay dịch vụ thư mục, các giải thuật tinh vi bên trong sẽ được kích hoạt. Mỗi search engine có một cách xử lý khác nhau đối với thông tin mà nó nhận được từ người dùng, nhưng mục tiêu thì giống nhau: dự đoán người dùng cần gì và trả về thông tin tương ứng. Những vấn tin của người dùng thường được phân tích rất chi tiết để phát hiện những sai sót chính tả trong từ khoá hay liệu thông tin này đã được tìm kiếm chưa.

**Nguyên lý hoạt động**

Một Search Engine hoạt động theo các bước sau:

Web crawling

Indexing  
Searhing  
Search Engine làm việc bằng cách lưu trữ thông tin về nhiều trang Web trên WWW. Những thông tin này sẽ được thu thập bởi các Spider (chính là Web crawling) và nội dung của mỗi trang sẽ được phân tích để SE quyết định nên index cái nào (ví dụ, những từ khoá được thu thập từ các titles, heading hay một số trường đặc biệt gọi là meta tags) để trả về những thông tin mà người tìm kiếm mong muốn nhất. Dữ liệu về những trang Web sẽ được lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu chỉ mục để sử dụng cho những lần truy vấn sau. Một số Search Engine, như Google chẳng hạn, sẽ lưu trữ toàn bộ hay một phần trang gốc (được xem như một cache) cũng như thông tin về trang Web đó, trái lại với một số SE khác, như AltaVista, sẽ lữu trữ tất cả các từ của những trang mà nó tìm thấy.  
Khi người dùng nhập vào các Search Engine một truy vấn (chủ yếu là các keyword), các SE này sẽ kiểm tra các index của nó và cung cấp danh sách các trang Web phù hợp nhất, thường là các cụm từ ngắn hay một phần của một đoạn văn bản. Hầu hết các Search Engine đều sử dụng các Boolean Operators (toán tử luận lý) như AND, OR và NOT để xác định các search query (truy vấn tìm kiếm). Một số SE khác lại sử dụng những phương pháp tiên tiến hơn như Proximity Search

(tìm kiếm gần kề) để cho phép người dùng xác định được khoảng cách giữa các từ khoá.

Dịch vụ thư mục

Các dịch vụ thư mục như của Yahoo và hỏi-đáp như của Ask Jeeves không dùng phần mềm thu thập tự động thông tin Web. Thay vào đó, các biên tập viên sẽ thực hiện việc tổng hợp thư mục Web một cách thủ công. Mặc dù Yahoo không lập chỉ mục trang Web như cách của search engine nhưng nó thực sự cung cấp dữ liệu chất lượng cao. Tuy nhiên, với mức tăng trưởng hàng năm 70% tổng số trang Web từ nay đến 2003 theo như dự báo của International Data Corp. thì những dịch vụ thư mục kiểu này sẽ phải gia tăng liên tục số lượng biên tập viên để có thể duy trì được tính hữu dụng của dịch vụ.  
Một loại search engine lai mới đang xuất hiện, sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ để xác định dịch vụ thư mục, search engine hay cơ sở dữ liệu sẽ đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu tìm kiếm thông tin của người dùng. Ví dụ, vấn tin “dân số Việt Nam” sẽ trả về thông tin điều tra dân số của Việt Nam, liên kết đến các Web site, thư mục và các thông tin có liên quan.

**Tương lai của việc tìm kiếm**

Một số search engine đã có tính năng tìm kiếm các đối tượng thay vì văn bản – chẳng hạn ảnh của một “ngôi sao” nào đó ở dạng JPEG. Tuy nhiên, còn rất nhiều nội dung multimedia như hình ảnh động của Shockware, Flash và dạng âm thanh, hình ảnh liên tục, hiện thời chưa thể lập chỉ mục được.  
XML là một ngôn ngữ mô tả nội dung, không chỉ có khả năng chuyển tải thông tin mà còn có các thẻ định danh để mô tả thông tin này có ý nghĩa gì. Search engine có thể lập chỉ mục trang Web XML dễ dàng hơn nhờ những thẻ này cho biết thông tin tương ứng xuất hiện ở đâu trên trang. Ví dụ, thẻ định danh “125” báo cho search engine biết rằng 125 là giá. Điều này cho phép search engine so sánh giá của nhiều nhà bán lẻ khác nhau một cách dễ dàng và nhanh chóng.

**4.2 Meta Search Engine (máy tìm kiếm liên hợp)**

**Thế nào là meta search engine ?**

Một máy tìm kiếm liên hợp không tự xây dựng bất cứ thành phần nào trong ba thành phần kể trên của một máy tìm kiếm thông thường. Thay vào đó, với mỗi câu truy vấn của người dùng, máy tìm kiếm liên hợp sẽ chuyển nó đến các máy tìm kiếm khác (tạm gọi là máy tìm kiếm nguồn) như Google, Yahoo và sau đó xử lí kết quả trả về từ các máy tìm kiếm này trước khi đưa ra kết quả cho người dùng.

**Điểm mạnh**

  
*Hình 1: Minh họa một meta search engine* .

1. Máy tìm kiếm liên hợp không phải tốn tài nguyên cho việc thu thập và lưu trữ các trang web (theo Yahoo, con số này có thể lên đến hàng trăm triệu đô la). Thay vào đó meta search engine chủ yếu tập trung vào phát triển các thuật toán xử lí kết quả từ các máy tìm kiếm khác. Các thuật toán xử lí thông thường gồm có gom cụm (clustering) để loại bỏ trùng lắp, và phân tích ngữ nghĩa để có thể cho kết quả gần với yêu cầu của người dùng nhất;
2. Số lượng các trang web trên Internet rất lớn, một máy tìm kiếm không thể thu thập và xử lí toàn bộ. Do đó, việc sử dụng kết quả tìm kiếm từ nhiều nguồn dữ liệu của các máy tìm kiếm khác nhau, MTKLH giúp tăng cơ hội cho người dùng tìm được thông tin họ cần, đặc biệt là các thông tin chuyên biệt.

**Điểm yếu**

1. Thứ nhất, tốc độ của các MTKLH thường chậm vì phải chờ kết quả trả về từ các máy tìm kiếm khác. Nếu một máy tìm kiếm liên hợp gửi câu truy vấn đến càng nhiều máy tìm kiếm, tốc độ càng chậm;
2. Thứ hai, khả năng tìm kiếm nâng cao như các máy tìm kiếm thông thường khác bị hạn chế. Các toán tử tìm kiếm AND, OR và tìm kiếm theo cụm từ có thể không được hỗ trợ. Hơn nữa, việc diễn dịch câu truy vấn nguyên thủy của người dùng cho phù hợp với cú pháp qui định của các máy tìm kiếm khác nhau có thể làm mất đi tính chính xác ban đầu;
3. Thứ ba, kết quả trả về của MTKLH chưa chắc tốt hơn kết quả của một máy tìm kiếm (ví dụ Google). Có hai lí do: thứ nhất là các máy tìm kiếm lớn đều đã có thuật toán rất phức tạp và hiệu quả để tối ưu hóa kết quả tìm kiếm; thứ hai MTKLH chỉ được biết một phần dữ liệu của các máy tìm kiếm nó truy vấn tới thông qua kết quả trả về mà thôi. Thông tin ít hơn sẽ làm cho các máy tìm kiếm khó địch lại các máy tìm kiếm nguyên thủy. Nếu máy tìm kiếm X cho kết quả trả về quá tốt, hơn hẳn Y và Z, kết hợp 3 thứ này có thể sẽ ra một thứ tệ hơn kết quả của X. Đây cũng chính là lí do mà nhiều người không thích dùng MTKLH cho các nhu cầu tìm kiếm thông thường. Tuy nhiên, kết hợp các kết quả của các máy tìm kiếm khác không quá tốt (ví dụ blog, diễn đàn và sách trực tuyến) lại có thể giúp cho kết quả tốt hơn;
4. Thứ tư, việc gửi câu truy vấn đến các máy tìm kiếm khác phải chịu hai sự hạn chế: thứ nhất là kết quả trả về cho mỗi lần truy vấn ít (ví dụ Google chỉ cho phép tối đa 32 kết quả), thứ hai là số lượng câu truy vấn gửi đi trong ngày bị giới hạn (ví dụ Google SOAP API trước đây chỉ cho phép tối đa 1.000 câu truy vấn/ngày). Những hạn chế này được đặt ra để đảm bảo rằng MTKLH không thể nào vượt qua được các máy tìm kiếm mà nó dựa vào.

**2. Nguyên tắc chung trong tìm kiếm**

**Để hiểu về SEO bạn cần phải nhận thức được các cơ cấu của các công cụ tìm kiếm. Tất cả chúng đều có chứa các thành phần chủ yếu sau đây:**

*Spider* - một chương trình giống như trình duyệt web của bạn.

*Crawler* - một chương trình tự động thu thập tổng hợp, phân loại cả các liên kết, thông tin trên mỗi trang web.

*Indexer* - một chương trình phân tích các trang web được tải về bởi các Spider và Crawler.  
  
*Database*– cơ sở dữ liệu lưu trữ các trang đã được tải về và sử lý.

*Results engine* – cho ra kết quả tìm kiếm từ cơ sở dữ liệu.

*Web server* - một máy chủ thực hiện sự tương tác giữa người sử dụng và các thành phần công cụ tìm kiếm khác.

Việc thực hiện cụ thể cơ chế tìm kiếm đối với từng bộ máy tìm kiếm có thể khác nhau. Ví dụ, Thành phần Indexer+Crawler+Spider có thể được thực hiện như một chương trình duy nhất để tải các trang web, phân tích chúng và sau đó sử dụng các liên kết trên trang đó để tìm nguồn tài nguyên mới. Nguyên tắc seo đều giống nhau.  
  
**Spider**. Chương trình tải các trang web giống như một trình duyệt web. Sự khác biệt là trình duyệt bình thường hiển thị các thông tin trình bày trên mỗi trang (như văn bản, đồ họa, vv) trong khi một Spider không có bất kỳ thành phần trực quan nào cả mà nó làm việc trực tiếp với các mã HTML của trang. Bạn có thể chon View source để xem mã HTML.  
  
**Crawler**. Chương trình này tìm kiếm tất cả các liên kết trên mỗi trang. nhiệm vụ của nó là xác định nơi Spider nên có mặt bằng cách đánh giá các liên kết hoặc theo một danh sách các địa chỉ được xác định trước. thu thập thông tin từ những liên kết này và cố gắng tìm các tài nguyên chưa được biết đến bởi các công cụ tìm kiếm.

**Indexer**. Thành phần này phân tích từng trang và phân tích các yếu tố khác nhau, như văn bản, tiêu đề, đặc tính cấu trúc hoặc phong cách, các thẻ HTML đặc biệt, vv  
  
**Database**. Đây là vùng lưu trữ cho các dữ liệu được máy tìm kiếm tải về và phân tích. Đôi khi nó được gọi là chỉ mục của các công cụ tìm kiếm.

**Results Engine**. Các kết quả của công cụ xếp hạng các trang web. Nó quyết định các trang web phù hợp nhất với truy vấn và yêu cầu của người dùng và các trang sẽ được liệt kê theo thứ tự. Điều này được thực hiện theo các thuật toán xếp hạng của các công cụ tìm kiếm. Sau đó nó xếp hạng các trang theo thứ hạng và giá trị bất kỳ, đó là điều mà các chuyên gia seo quan tâm nhất khi cố gắng để cải thiện thứ hạng trên kết quả tìm kiếm trang web của mình. Trong bài này, sẽ thảo luận về các yếu tố ảnh hưởng đến thứ hạng seo một trang cụ thể nào đó.

**Web server**. là máy chủ tìm kiếm web thường chứa một trang HTML với một trường nhập liệu, nơi người dùng có thể chỉ định các truy vấn tìm kiếm mà người đó quan tâm, Máy chủ web cũng chịu trách nhiệm cho việc hiển thị kết quả tìm kiếm cho người sử dụng dưới hình thức một trang HTML.

Gần đây khi sử dụng Google bạn thường thấy xuất hiện báo lỗi: *Rất tiếc... truy vấn tìm kiếm của bạn giống với yêu cầu tự động từ vi rút máy vi tính hay ứng dụng spyware. Để bảo vệ người sử dụng của mình, chúng tôi không thể thực hiện yêu cầu của bạn ngay bây giờ.*

***Proxy mở và cách khắc phục lỗi tìm kiếm***

Tuy đã thực hiện việc diệt virus hoặc spyware theo yêu cầu của Google, nhưng tình trạng vẫn vậy. Chỉ khi gõ đúng các ký tự kiểm tra trên [tệp](http://127.0.0.1:8888/192a/spip.php?breve179)ảnh nhỏ mà Google gửi đến thì bạn mới hòng nhận được những kết quả tìm kiếm. Tại sao lại như thế?

Sau đây là một giải đáp kèm hướng dẫn cách khắc phục với các [trình duyệt](http://127.0.0.1:8888/192a/spip.php?breve166) IE, Opera 8.5 và FireFox.

**1. Proxy mở là gì**

Chắc chắn là bạn cũng như nhiều người khác đang dùng Proxy mở (Open Proxy) là một trình phục vụ Proxy mà người sử dụng Internet bất kì đều có thể truy nhập. Chắc chắn thứ hai là bạn đang dùng địa chỉ IP động, tức là nó thay đổi mỗi khi bạn khởi động lại [modem](http://127.0.0.1:8888/192a/spip.php?breve191).

Bằng cách dùng một số Proxy mở, người sử dụng có thể che dấu địa chỉ IP thực của mình, không để nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) biết được. Điều này đôi khi được dùng để lạm dụng hoặc phá hoại ISP, có khả năng vi phạm luật pháp hoặc các điều kiện phục vụ của ISP. Do đó, các Proxy mở thường được coi là một vấn đề của [an ninh dữ liệu](http://127.0.0.1:8888/192a/spip.php?breve85). Tuy nhiên, các Proxy mở cũng được dùng để tăng tính vô danh hoặc bảo mật khi duyệt web hoặc khi dùng các dịch vụ Internet khác: địa chỉ IP thực của người sử dụng có thể được dùng để truy tìm ra thông tin về người sử dụng và để thâm nhập vào máy tính của người đó.

Ngoài ra, Proxy mở còn được dùng để lách qua sự kiểm duyệt Internet của các chính phủ hoặc tổ chức. Một số trang web liên tục cung cấp các danh sách Proxy mở và các danh sách này được thường xuyên [cập nhật](http://127.0.0.1:8888/192a/spip.php?breve125).

Một máy tính có thể đang chạy một trình phục vụ Proxy mở mà người chủ máy tính không hề biết. Đây có thể là kết quả của việc cấu hình sai phần mềm Proxy đang chạy trên máy tính, hoặc do nhiễm phần mềm spyware, virus, trojan hoặc sâu máy tính được thiết kế cho mục đích này. Vì các Proxy mở thường hàm ý sự lạm dụng, nhiều phương thức đã được tìm ra để phát hiện chúng và từ chối phục vụ. Các mạng chat IRC có chính sách an ninh chặt chẽ thường tự động kiểm tra các máy khách xem có phải là một trong các Proxy mở đã bị phát giác hay không.

Tương tự, trình dịch vụ thư điện tử (Mail Server) có thể được cấu hình để tự động kiểm tra nơi gửi xem có phải là Proxy mở không, bằng các phần mềm như ProxyCheck. Ngày càng có nhiều Mail Server được cấu hình sẵn để lấy thông tin từ các máy chủ DNSBL nhằm chặn thư rác (Spam), một vài trong số các DNSBL này cũng liệt kê các Proxy mở.

**2. Hướng dẫn cách khắc phục**

Google cũng đang làm việc “chặn” các Proxy mở nhằm tránh Spam gây nghẽn trang chủ hoặc lợi dụng Google để tìm kiếm thông tin bằng phần mềm tự động, giả sử như là tìm kiếm địa chỉ email… Khi thấy máy bạn đang dùng Proxy mở thì Google sẽ thông báo: rất tiếc... truy vấn tìm kiếm của bạn giống với yêu cầu tự động từ vi rút máy vi tính hay ứng dụng spyware…

*Khắc phục đơn giản:*bằng cách tắt và khởi động lại modem (có thể phải mất vài lần thử), hy vọng lần sau modem sẽ nhận được một địa chỉ IP khác mà không hoặc chưa bị chặn. Tuy nhiên, nếu khởi động modem lại lần sau nữa, do mất điện hay do bạn tắt modem… thì chưa chắc bạn sẽ nhận được một địa chỉ IP tương tự (không bị chặn).

*Khắc phục triệt để:*yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ cung cấp cho bạn địa chỉ và cổng của một Proxy server an toàn không bị chặn. Có Proxy server an toàn rồi thì nếu dùng trình duyệt Internet Explorer bạn cần làm như sau:

**Bài 5: Trình quản lý mail Outlook Express**

**5.1 Cài đặt Outlook Express**

iả sử chúng ta đã có địa chỉ email nvx@abc.com với thông số kỹ thuật như sau:  
  
Tên miền (Domain): **abc.com**

Máy chủ mail (Mail server): **mail.abc.com**

Tên người dùng: **Nguyen Van X**

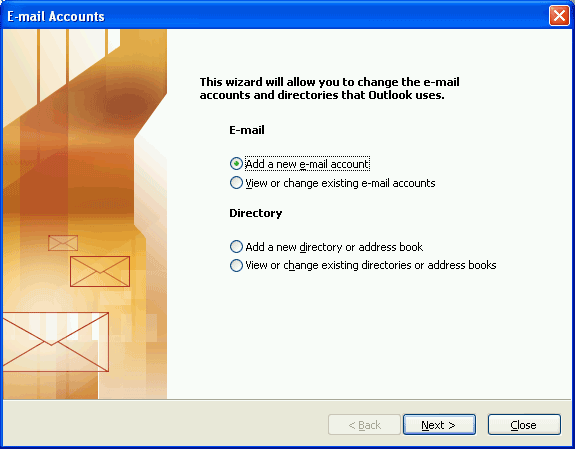
Email: [**nvx@abc.com**](mailto:nvx@abc.com)

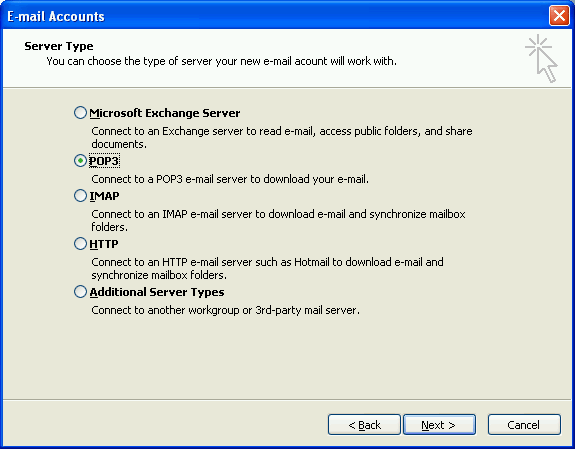
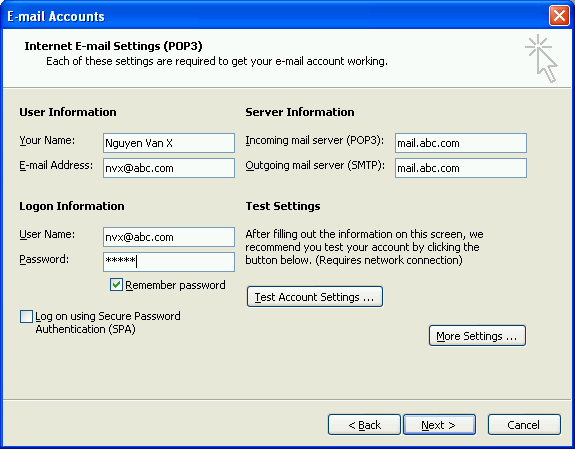
Mật khẩu (password): **12345**

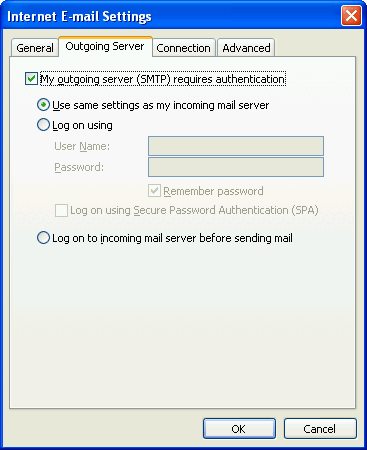
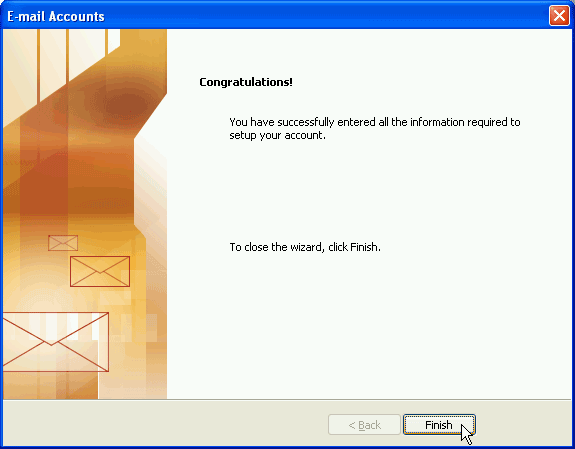
Khởi động Microsoft Outlook. Microsoft Outlook là một phần mềm trong bộ Microsoft Office, và thường được cài đặt kèm theo khi cài đặt Office.

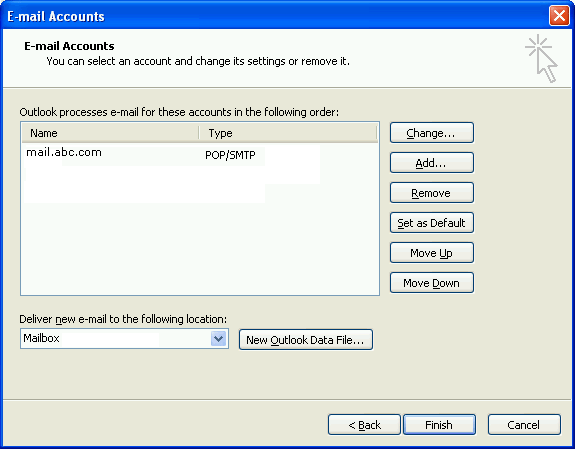
Xem hướng dẫn cài đặt với [Windows Mail](http://www.vipcom.vn/thuthuat/domain-hosting-email/120.html) (Vista, Windows 7), [Outlook Express](http://www.vipcom.vn/thuthuat/domain-hosting-email/119.html)

Chọn menu Tools, chọn E-mail Account..., rồi thực hiện từng bước theo các hình sau đây (nhấn Next để sang bước kế tiếp):



  
  
  
  
Chọn "More Settings ..." để mở ra cửa sổ dưới đây, chọn sang tab "Outgoing Server" và kiểm tra các thông số đúng như hình.

  
  
Chọn tài khoản email và nhấn nhút Change khi cần thay đổi / điều chỉnh các thông số cho phù hợp.

2. Thiết lập tham số email trong Outlook Express

Các bước thiết lập thông số cho Outlook Express   
để gửi và nhận thư thông qua máy chủ mail của ĐHQG

Các hướng dẫn sau đây được thực hiện đối với phiên bản MS Outlook Express 5.   
Với các phiên bản khác, quý vị tìm các mục chức năng tương ứng để thiết lập các thông số. Hoặc xin liên hệ với quản trị mạng của đơn vị mình để nhận được sự trợ giúp.   
I. Khai báo tài khoản

Bước 1: Mở chương trình quản lý thư tín điện tử Outlook Express. Chọn thực đơn Tools | Accounts...   
Bước 2: Chọn mục Mail trong cửa sổ Internet Accounts vừa xuất hiện. Nhấn nút Add phía trên, bên phải cửa sổ.

Bước 3: Chọn tên hiển thị

Người nhận thư sẽ đọc thấy tên người gửi giống với tên mà quý vị khai báo trong bước này. Quý vị nên điền tên của mình vào ô Display name. Sau đó nhấn nút Next   
Bước 4: Nhập địa chỉ thư đã được cấp, như hình minh hoạ dưới đây   
Bước 5: Giữ nguyên lựa chọn khai báo loại máy chủ mail là POP3   
Khai báo Incoming mail và Outgoing mail đều là: mail.vnu.edu.vn   
Nếu quý vị làm việc với máy trong mạng nội của Đại học Quốc gia, có thể khai báo bằng địa chỉ nội bộ của máy chủ mail: 172.16.0.160

Bước 6: Cung cấp tên truy nhập và mật khẩu. Nếu không muốn phải gõ lại mật khẩu mỗi khi kiểm tra thư, quý vị hãy chọn lưu mật khẩu (Remember password)   
Bước 7: Nhấn nút Finish để kết thúc quá trình khai báo   
Hoàn thành bước này, quý vị có thể nhận thư từ máy chủ mail của Đại học Quốc gia.   
II. Bổ sung các thông số

Bước 8: Trong cửa sổ Internet Accouts, chọn tài khoản thư mà quý vị vừa khai báo. Nhấn nút Properties để khai báo bổ sung.

Bước 9: Để tiện quản lý tài khoản trong Outlook Epress, có thể thay tên máy chủ cho dễ nhớ hơn. (Quý vị không nhất thiết phải thực hiện bước này)   
Chẳng hạn, đổi thành VNUmail.

Quý vị sẽ thấy sự thay đổi nếu so sánh hình minh hoạ trong bước 8 với hình minh hoạ trong bước 12.

Bước 10: Khai báo tài khoản để gửi thư đi.

Nếu không thực hiện bước này, có thể, quý vị chỉ nhận được thư về mà không gửi thư được   
Chọn My server requires authentication. Sau đó nhấn nút Settings...   
Khai báo tên truy cập và mật khẩu. Lưu lại mật khẩu nếu quý vị không muốn phải gõ lại mỗi lần gửi thư đi.

Bước 11: Lưu lại thư trên máy chủ

Đôi khi quý vị muốn kiểm tra mail cả ở cơ quan và ở nhà. Để làm được điều đó, cần lưu thư trên máy chủ. Tuy nhiên quý vị nhớ thỉnh thoảng phải xoá bớt thư trên máy chủ để có thể gửi thư và nhận được thư mới.

Chọn Leave a copy of messages on server. Sau đó nhấn nút OK

Quý vị có thể đánh dấu thêm hai lựa chọn tiếp sau đó, nếu thấy các lựa chọn này phù hợp với nhu cầu của mình.

Bước 12: Kết thúc quá trình khai báo.

Nhấn nút Close

Kết thúc bước này, quý vị có thể gửi và nhận được thư điện tử qua máy chủ mail của Đại học Quốc gia.

**3. Quản lý hộp thư trong Outlook Express**

**- Sọan thảo và gửi một bức thư**

Tại giao diện chính, bấm vào thẻ Thư để làm việc với chức năng thư điện tử.  
    Để soạn một bức thư (thông điệp) mới, bấm chọn nút công cụ Mới ngay dưới thẻ Thư (không phải là bấm vào hình mũi tên nhỏ):

    Một cửa sổ soạn thảo thư mới xuất hiện dưới dạng một tab - có tên là Soạn thảo. Tiến hành nhập các thông tin cần thiết và soạn nội dung thông điệp muốn gửi. Cụ thể:  
   
    \* Nhập địa chỉ người nhận.

    Ô Gửi tới (To) dùng để nhập đầy đủ địa chỉ thư điện tử của người nhận. Nếu muốn gửi tới nhiều địa chỉ: sau một địa chỉ hãy đánh dấu chấm phẩy (;) hoặc dấu phẩy (,) rồi nhập địa chỉ tiếp theo. Sau đó nhập tiếp địa chỉ vào các ô Cc, Bcc nếu cần.

Cc: Viết tắt của cụm từ "carbon copy" ("bản sao"). Có thể hiểu như “Đồng gửi”. Những người nhận ở trong Cc được nhận 1 bản sao của thông điệp. Mọi người nhận khác đều biết là bạn gửi cho ai bao gồm những người có địa chỉ ở “Gửi tới” và “Cc”.  
Bcc: Người nhận có địa chỉ ở Bcc (Blind carbon copy) thì những người nhận ở  “Gửi tới” và “Cc” không biết được.

Muốn hiện ô Bcc, cần phải bấm vào Hiện thị BCC ở cuối ô Cc.  
    Sử dụng Sổ địa chỉ để điền địa chỉ người nhận: Trong giao diện soạn thư, nhấn vào “Gửi tới” sẽ xuất hộp thoại chứa các địa chỉ đã được lưu. Tại đây, có thể nhấn chuột để chọn lấy địa chỉ rồi nhấn chọn Gửi tới hoặc Cc hoặc Bcc. Các địa chỉ được chọn sẽ xuất hiện ở phần bên phải cửa sổ đồng thời được tự điền vào các ô Gửi tới, Cc, Bcc của thông điệp.  
     Để tìm nhanh địa chỉ nào thì gõ tên hoặc một phần tên vào ô bên cạnh hình kính lúp rồi bấm nút Tìm kiếm.

    Sau khi đã chọn xong danh sách từ sổ địa chỉ, bấm nút Đồng ý để chấp nhận đồng thời đóng sổ địa chỉ lại.

Tự động hoàn thành nhập địa chỉ:

Tính năng này đưa ra gợi ý khi người dùng nhập địa chỉ trong các mục Gửi tới, Cc, Bcc. Một danh sách địa chỉ có thể hiện ra phía dưới đồng thời lúc gõ địa chỉ.  
   
Cách dùng: Với danh sách hiện ra, chọn 1 trong các thao tác:

Bấm phím Enter để chọn tên đầu tiên trong danh sách.  
Dùng phím mũi tên xuống (trên bàn phím) di chuyển đến dòng muốn chọn rồi bấm phím Enter (hoặc dấu phẩy, hoặc dấu chấm phẩy).

Trỏ chuột vào địa chỉ muốn chọn rồi bấm chuột.

Muốn làm mất danh sách gợi ý, hãy bấm phím Esc.

      Danh sách địa chỉ hiện ở các ô trên có được từ Sổ địa chỉ của người dùng. Bạn có thể tạo nhiều sổ địa chỉ khác nhau. Có thể thiết lập cho việc hiện thị địa chỉ gợi ý ở tùy chọn Sổ địa chỉ - Xem mục Quản lý sổ địa chỉ trong phần Các tính năng khác của hệ thống thư.  
    \* Nhập tiêu đề thư: Nhập vào ô Chủ đề như hình dưới. Sau khi hoàn thành nhập tiêu đề thư, tên tab cửa sổ soạn thảo mang tên tiêu đề thư.

    \* Soạn thảo nội dung thư: Soạn trong vùng A như hình dưới.

Các tùy chọn khi soạn nội dung thư:

Nút công cụ Tùy chọn (công cụ trong cửa sổ soạn thư – không phải tab Tùy chọn) cho phép người dùng các lựa chọn sau:

 Định dạng theo HTML: Tùy chọn này cung cấp khả năng soạn thảo nội dung có định dạng văn bản, gồm định dạng chữ (font, cỡ, màu sắc), màu nền, bảng, và tạo liên kết (link),… Tuy nhiên, một số phần mềm đọc thư không đọc được các thư có định dạng HTML.  
Định dạng theo văn bản thường: Chỉ nhập được văn bản thường (plain text) với font chữ duy nhất mà không thể định dạng.

Yêu cầu hồi báo đọc: Nếu tính năng này được gắn với thư, sau khi người nhận đã đọc, hệ thống thư của người nhận sẽ gửi trả cho người gửi một thông báo về việc thông điệp đã được đọc. Tuy nhiên, người nhận cũng có thể thiết lập tài khoản của họ từ chối hồi đáp.  
    \* Đính kèm tập tin:

     Nếu muốn gửi kèm tập tin (file, tệp tin) cùng với thông điệp, cần nhấn vào nút công cụ Thêm tập tin đính kèm,  sẽ xuất hiện hộp thoại để thực hiện đính kèm tập tin.  
    
    Nhấn nút Duyệt để tìm đến tập tin lưu trên máy, lúc này hệ thống thư sẽ chuyển quyền điều khiển cho hệ điều hành phục vụ người dùng chọn tập tin. Khi chọn được tập tin muốn chọn, bấm Open. Lặp lại cho đến khi chọn hết số tập tin muốn gửi kèm rồi nhấn nút Đính kèm để hoàn tất.

Lưu ý:

    Nên đóng tập tin lại nếu đang mở trước khi thực hiện đính kèm theo thư.  
    Để đối phó với virus, một số người nhận hoặc một số hệ thống thư có thể đã thiết lập cấu hình từ chối nhận một số kiểu tập tin như là .EXE, SCR,… kể cả đã khi đã được nén. Trong trường hợp đó, nếu bạn gửi đi thì người dùng sẽ không nhận được thư.  
    Nếu tập tin đính kèm bị nhiễm vi-rút, các máy chủ thư sẽ cách ly thư đồng thời gửi một thông điệp cảnh báo tới người nhận, thư của người gửi sẽ không được chuyển đến cho người nhận.

    Tổng dung lượng tập tin đính kèm của hệ thống thư là có giới hạn. Quản trị hệ thống quy định hạn ngạch căn cứ vào khả năng đáp ứng của hệ thống.

    \* Gửi đi:  Sau khi đã hoàn tất bức thư, nhấn nút Gửi để gửi thông điệp đi.  
   
  Nếu chưa hoàn thiện bức thư, tạm thời chưa muốn gửi, có thể lưu bức thư đang soạn này lại: Bấm nút Lưu bản nháp, thư sẽ được lưu vào thư mục “Thư nháp”.

  Khi đang soạn thảo một thư mới (cũng như khi hồi âm, chuyển tiếp) có thể hủy bỏ việc soạn thảo bằng cách bấm nút Hủy bỏ, tuy nhiên hệ thống sẽ đưa ra cảnh báo, người dùng bấm chuột chọn một quyết định:

    - Đồng ý: Lưu thư đang soạn vào thư mục “Thư nháp” đồng thời thoát khỏi soạn thảo.  
    - Không: Không lưu gì cả và đóng cửa sổ soạn thư.

    - Hủy bỏ: Trở lại cửa sổ soạn thảo,  tiếp tục soạn thư.

Xử lý thư không phát được - Undeliverable mail:

Đôi khi bạn nhận được thư với tiêu đề có chứa cụm từ tiếng Anh “Undelivered mail”, đó là các thư bị trả lại (hồi chuyển) người gửi do các hệ thống máy chủ không chuyển được tới địa chỉ nhận. Lý do có thể là: địa chỉ người nhận không đúng; hoặc hộp thư của người nhận bị đầy trên máy chủ (quá dung lượng lưu trữ cho phép); hoặc có thể chưa thiết lập đúng các thông số cần thiết nếu bạn gửi thư bằng ứng dụng thư máy trạm.  
Trong thông điệp hồi chuyển thường chứa một phần của thư gốc bạn gửi cùng với thông tin báo lỗi của máy chủ dịch vụ thư cho biết lý do trả lại.  
Nếu do nhập sai địa chỉ người nhận, hãy bấm vào mục Thư đã gửi ở khung bên trái, tìm trong bảng danh sách thư, bấm nút phải chuột vào bản lưu của thư bị trả về, trong thực đơn hiện ra chọn mục Sửa như tạo mới rồi sửa sai địa chỉ, xong bấm nút công cụ Gửi để gửi lại.

|  |
| --- |
| **Sau khi hoàn thành xong thủ tục đăng ký với Outlook Express, bạn có thể sử dụng hộp thư. Bạn có thể soạn thư ở chế độ offline mà không cần phải vào Internet.** |
| Sau khi hoàn thành xong thủ tục đăng ký với Outlook Express, bạn có thể sử dụng hộp thư. Bạn có thể soạn thư ở chế độ offline mà không cần phải vào Internet.  Trước hết, bạn khởi động Outlook Express, xuất hiện giao diện như sau :  http://www.thuvien-it.net/home/media/2009_it/os-network/Internet-Email/EMail-Les2/Img1.gif **Giao diện Outlook Express**  Ý nghĩa các mục hiển thị tại khung cửa sổ bên phải :  **- Inbox :** hiển thị các thư nhận được.  **- Outbox :** hiển thị các thư đã gởi nhưng chưa hoàn tất.  **- Sent Items :** hiển thị các thư đã gởi thành công.  **- Delete Items :** hiển thị các thư đã xóa.  **- Draf :** hiển thị các thư rác.  **1/- Nhận thư :**  Thông thường, khi khởi động Outlook Express, các thư mới sẽ tự động hiển thị trong mục **Inbox** (bạn có thể chọn biểu tượng **Send/Receive All** trên thanh công cụ để kiểm tra). Theo mặc định, các thư bạn mới (đã nhận nhưng chưa xem) sẽ hiển thị tại khung cửa sổ bên phải và có màu chữ đậm hơn các thư cũ.  Ví dụ thư mới nhận có đính kèm file (biểu tượng đính kèm file bên trái) nhưng chưa xem nội dung :  http://www.thuvien-it.net/home/media/2009_it/os-network/Internet-Email/EMail-Les2/Img2.gif **Thư mới nhận từ Thang Le**  Muốn mở xem nội dung thư, bạn double click chuột tại thư cần xem, xuất hiện cửa sổ :  http://www.thuvien-it.net/home/media/2009_it/os-network/Internet-Email/EMail-Les2/Img3.gif **Xem nội dung thư và file đính kèm (nếu có)**  Nội dung thư hiển thị bên dưới cửa sổ, file đính kèm hiển thị tại mục **Attach**.  Chọn tất cả các file đính kèm thư, click chuột phải chọn **Save All**, chọn đường dẫn lưu các file đính kèm.  http://www.thuvien-it.net/home/media/2009_it/os-network/Internet-Email/EMail-Les2/Img4.gif **Lưu các file đính kèm vào đĩa**  **2/- Trả lời thư đến người gởi :**  Chọn thư cần trả lời trong mục **Inbox** (khung cửa sổ bên phải), chọn nút **Reply** trên thanh công cụ. Hoặc click chuột phải tại thư cần trả lời, xuất hiện menu ngữ cảnh, chọn **Reply**, xuất hiện cửa sổ :  http://www.thuvien-it.net/home/media/2009_it/os-network/Internet-Email/EMail-Les2/Img5.gif **Trả lời thư đến người gởi Thang Le**  Nhập nội dung thư và thực hiện lệnh **Insert\File Attachment** và chọn đường dẫn đến file nếu muốn gởi thư kèm file. Chọn **Send** để trả lời thư có đính kèm file.  http://www.thuvien-it.net/home/media/2009_it/os-network/Internet-Email/EMail-Les2/Img6.gif **Nhập nội dung thư và kèm file để gởi trả lời**  **3/- Tạo mới một bức thư :**  Muốn tạo mới một bức thư, bạn click chọn biểu tượng **Create Mail** trên thanh công cụ hoặc thực hiện lệnh **File\New\Mail Message**, xuất hiện cửa sổ :  http://www.thuvien-it.net/home/media/2009_it/os-network/Internet-Email/EMail-Les2/Img7.gif **Cửa sổ tạo mới một bức thư**  Nhập địa chỉ mail của người nhận tại mục **To**, nhập chủ đề của bức thư tại mục **Subject**, nhập nội dung bên dưới. Nếu muốn đính kèm file, thực hiện lệnh **Insert\File Attachment**, chọn đường dẫn đến file, chọn **Attach**.  http://www.thuvien-it.net/home/media/2009_it/os-network/Internet-Email/EMail-Les2/Img8.gif **Ví dụ gởi mới một bức thư có đính kèm file**  **Ghi chú :**  Khi gởi một bức thư cho nhiều người, bạn nhập một địa chỉ mail tại mục **To**, còn lại những địa chỉ mail khác, bạn nhập vào mục **Cc**, các địa chỉ mail này cách nhau bởi dấu chấm phẩy (;). Điều này có nghĩa là tất cả địa chỉ mail bạn gõ vào mục **Cc** sẽ hiển thị trong mail của người nhận, người nhận sẽ biết bạn gởi bức thư này cho những ai.  Chọn Send để gởi một bức thư mới.  **Lưu ý :**  Sau khi chọn **Send** để gởi, bạn click chọn nút **Send/Receive All** trong cửa sổ Outlook Express để kiểm tra việc gởi/nhận thư. Nếu trong mục **Outbox** không xuất hiện bức thư nào nghĩa là bạn đã hoàn tất việc gởi thư đi. Khi đó bạn kiểm tra mục **Sent Items** sẽ thấy xuất hiện lá thư bạn vừa gởi. |